

BÁT NHÃ TÂM KINH THIỀN GIẢI

Tác Giả: ĐƯƠNG ĐẠO
Nhà Xuất Bản Văn Hoá Sài Gòn

---o0o---

Nguồn

<http://hoalinhthoai.com>

Chuyển sang ebook 15-01-2012

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Dẫn Nhập
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh.
Hành Giải

---o0o---

Dẫn Nhập

Các nhà học giả Tây phương cũng như Đông phương đều công nhận hệ thống Bát-nhã là công chính yếu dẫn vào Đại thừa. Bởi vì không những kinh điển của hệ thống nghiên cứu về Tánh Không chiếm khối lượng nhiều nhất trong Đại thừa, mà từ Tánh Không (sunyata) đã lưu xuất ra hầu hết các học phái tu chứng của đạo Phật, như Thiền tông, Không Luận tông của Ngài Long Thọ, Thiên Thai tông và tiềm tàng trong Duy Thức tông, Mật tông, Hoa Nghiêm tông, Pháp Hoa tông...

Kinh Đại Bát-nhã nói: "Y theo Bát-nhã này, người nào muốn thành Tu Đà Hoàn sẽ đắc quả Tu Đà Hoàn, muốn thành A-la-hán sẽ đắc quả A-la-hán, muốn thành Bích Chi Phật sẽ thành Bích Chi Phật, muốn thành Bồ-tát sẽ thành Bồ-tát, nhân đến muốn thành Phật sẽ thành Phật". Tất cả đều nhờ Bát-nhã. Như thế Bát-nhã bao gồm Đại thừa lẫn Tiểu thừa, tùy theo người sử dụng.

Bộ kinh Đại Bát-nhã gồm sáu trăm quyển, có 125.000 bài tụng do ngài Huyền Trang dịch. Bộ này được cô đọng thành Bát-nhã Tâm Kinh gồm 260 chữ, nguyên văn bằng chữ Sanskrit, được lưu hành rộng rãi ở Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam... Như thế, đủ rõ Bát-nhã Tâm

Kinh là cốt tủy của hệ thống Bát-nhã Không tuệ học, mà chúng ta ai cũng thuộc lòng. Và ai đến với đạo Phật, như một con đường rộng lớn nhất để giải thoát, chứng thực được thực tại vi diệu nhất là Niết-bàn Tụ Tâm, đều phải, không hoàn toàn thì cũng một phần, đi trên con đường Bát-nhã vì Bát-nhã được kinh gọi là Mẹ của chư Phật.

Vậy thì Trí Huệ Bát-nhã là gì? Tâm Kinh được truyền thuyết để hành giả đạt đến cái gì? Trí Huệ Bát-nhã là trí huệ thấu biết Tánh Không và đưa hành giả đạt đến Tánh Không. Tánh Không là gì mà đạt đến nó tức là thành tựu được Phật quả, đạt đến mục đích cuối cùng của Đạo Phật? Có được một ý niệm về Không, một hiểu biết ở trên bình diện ý thức, dù ý thức được đạo Phật xem là vọng thức, chúng ta mới có thể đi vào Bát-nhã Tâm Kinh.

Không có ba ý nghĩa:

1. **Ý nghĩa thế đế.** Không là không có tự tánh, rỗng không. Đó là ý nghĩa của Không trong câu "soi thấy năm uẩn là Không". Tiếng Phạn là asbhava-sunya, tức là năm uẩn rỗng không, không có tự tánh.

Để cho dễ hiểu, chúng ta hãy xem xét sự vật trên bình diện ý thức, nghĩa là những gì ý thức có thể hiểu được. Theo khoa học hiện đại về vật lý hạt nhân, phần tử căn bản tạo nên vật thể là nguyên tử. Nguyên tử gồm một nhân, xoay quanh nhân là những âm điện tử. Các electron này thường có tốc độ khoảng nửa tốc độ ánh sáng. Như thế cơ cấu của một nguyên tử không tồn tại nguyên dạng trong một phần triệu giây. Nói theo người xưa là nguyên tử không có tự tánh vì không giữ được cơ cấu của mình trong một sát-na.

Kim loại vốn rắn, dưới ảnh hưởng của nhiệt biến thành thể lỏng. Kim loại không duy trì được tự tánh của nó nên kim loại là không có tự tánh. Nói theo lối đạo Phật, tứ đại (đất nước, gió, lửa) đều có thể bị hủy diệt biến thái bởi nhau và hóa thành lẫn nhau. Các nguyên tố sanh ra vũ trụ đều không có tự tánh nên là Không.

Một ý nghĩa nữa mà ý thức có thể hiểu, Không nghĩa là trống rỗng. Cũng trong nguyên tử khoảng cách từ nhân ra đến âm điện tử là cực kỳ lớn, đến nỗi khối lượng vật chất (nhân + âm điện tử) so với khoảng không ở giữa chúng cũng giống như khối lượng các ngôi sao so với khoảng không vũ trụ chứa đựng chúng. Nếu bỏ đi khoảng không trong nguyên tử, thì toàn thể một con người chỉ còn lại phần vật chất đặc nhỏ hơn hạt cát. Một kính hiển vi điện tử nhìn một bức tường sẽ thấy là trống không, vì phần vật chất quá ít so với khoảng không chứa chúng. Vật chất mà ta thấy bằng mắt gần như trống

rỗng, đó là một phần ý nghĩa của chữ Không. Không trong ý nghĩa thế đế là không có tự tánh và trống rỗng, một phần nào khoa học hiện đại có thể hiểu được.

2. Ý nghĩa thế đế thứ hai: Không có nghĩa là giả, không thật, như huyền ảo. Qua những thí dụ trên, ta thấy rằng sự vật ta nhìn bằng mắt thường thì khác với sự vật của khoa học. Ta cũng biết rằng con kiến chỉ biết có hai chiều, không biết chiều cao. Con chó cũng thấy được có hai màu trắng đen. Vào đầu thế kỷ, con người ý thức được chiều thứ tư của sự vật là chiều thời gian. Vậy thì, thực tại tùy theo mỗi loài, tùy theo ý thức hạn hẹp hay mở rộng mà thấy có khác nhau. Cái ta thấy chỉ là cái của ta. Cái ấy không đúng như thực tại trong tự thể của nó. Không nhìn đúng sự thật, không nhìn được thực tại như nó hiện là, mà nhìn ra một cái khác tùy theo ý thức mỗi loài. Cái khác đó đạo Phật gọi là giả hay sâu xa hơn, là như huyền. Duy Thức tông nói mọi pháp đều có theo “thức”. Nghĩa là mọi vật đều theo “thức phân” của ta mà hiện ra với ta, cái hiện ra đó tùy theo thức, nên mọi cái hiện ra đều do thức. Vì theo thức riêng của mỗi loài chúng ta nên không thật, là giả, như huyền.

3. Ý nghĩa chân đế. Không là thực tại, không sanh, không diệt, không do sạch, không tăng giảm, như Tâm Kinh tuyên thuyết. Thực tại đó siêu việt khỏi mọi ngôn ngữ, mọi ý niệm hoặc có hoặc không, ngoài mọi hình tướng nên dùng chữ “Không” để diễn tả như một sự phủ định tất cả và vượt lên tất cả. Thực tại đó, trong Thiền tông được biểu thị bằng một vòng tròn trống không hàm chứa tất cả mọi sự, đó là thực tại tròn đầy gọi là Chân Không Diệu Hữu.

Lấy một ví dụ có ý nghĩa triết học, người xưa thường dùng là sóng và nước. “Không” ở đây là bản thể, đối với “sắc” là hiện tượng. Tâm Kinh nói sắc tức là Không, có nghĩa là hiện tượng sanh diệt là bản thể chân thường. Như sóng sanh diệt có bản thể là nước, là biển cả chân thường. Bản thể của sóng là nước như bản thể của hình sắc vật chất là Chân Không.

Như thế, trăm ngàn sóng đều đồng nhau trong bản chất là biển cả, cũng như trăm ngàn hình sắc đều cùng một bản chất là Chân Không bất diệt. Trăm ngàn thứ đồ vật bằng vàng đều có bản thể là vàng. Chúng ta không thấy được vạn vật cùng một thể tánh (thể tánh này siêu việt lên ý thức, ngoài mọi lý luận về có và không) vì chúng ta bị trói buộc trong ý thức nông cạn của mình. Muốn thấy được Tánh Không đó phải từ ý thức đi vào Trí Bát-nhã. Đó là quá trình tu chứng của đạo Phật.

Một cách cụ thể, khi có người hỏi hành giả tu Bát-nhã, cái bản là gì? Hành

giả đó sẽ trả lời cái bàn là Không. Và không những cái bàn, mà cỏ cây, hoa lá, núi sông, phàm thánh trời người, tất cả đều là Không, đều đồng một thể Chân Không. Điều đó cũng giống như tất cả mọi bóng sắc trong một tấm gương rộng lớn đến vô hạn, tuy sắc có vô số nhưng đồng một bản thể là gương. Tâm Kinh nói Không tức thị Sắc nghĩa là gương và bóng là một. Không có bóng nào ở ngoài gương và không có bóng nào không có bản chất là gương.

Đối với khoa học hiện đại, khi được hỏi bản thể của vật chất là gì, khoa học sẽ trả lời là những hạt cơ bản. Đối với đạo Phật, vượt quá ý thức để thấy và chứng bằng Trí Huệ, bản thể của vật chất còn vi diệu hơn cả những hạt cơ bản và những hạt cơ bản là một thứ vật chất nhỏ. Những hạt cơ bản không vi tế bằng khoảng không ở trong nguyên tử đó, mà theo kinh Lăng Nghiêm khoảng trống không vũ trụ còn được sanh ra bởi và ở trong Như Lai Tạng tức là trong Chân Không, thì cái thể tánh Không đó hoàn toàn không thể nghĩ bàn.

Kinh Duy-ma-cật phẩm Đệ Tử có nói: Pháp đồng pháp tánh". Mọi pháp cùng đồng một Pháp tánh. Pháp tánh ấy là Không. Không là Pháp tánh, là bản thể của tất cả mọi vật. Ngài Hiền Thủ, tổ Hoa Nghiêm tông, giảng Sư Tử Chương: Con sư tử bằng vàng, nên tất cả mọi sợi lông trên thân đều bằng vàng. Cũng thế mọi hình tướng vật chất ta thấy được đều cùng một thể tánh, thể tánh đó là Không.

Không đó, kinh Lăng Nghiêm gọi là Không Như Lai Tạng. Hoa Nghiêm gọi là Pháp giới Tánh, Pháp Thân. Kinh Viên Giác gọi là Viên Giác, cái biết thường hằng viên mãn. Kinh Lăng Già gọi là Viên thành thật Trí hay Đại viên cảnh Trí.

Ngài Padmasambhava, vị khai sáng Phật giáo Tây Tạng trong cuốn Đại Giải Thoát, diễn tả cái Không đó là Nhất Tâm như sau: "Tâm thì không chỗ trụ, không dơ nhiễm, không sinh ra bởi vật gì, là Chân Không, chiếu soi, trống lạng, không phân hai, trong suốt, không thời gian, không trộn lẫn, không bị ngăn ngại, không màu sắc, không hình tướng để có thể nắm bắt, nhưng là nhất thể của vạn pháp, lại cũng không sinh ra bởi vạn pháp. Một vị bình đẳng siêu lên mọi phân biệt."

Lục Tổ Huệ Năng gọi là Tự Tánh: "Nơi con người, thân xác là thành, mắt tai mũi lưỡi là cửa, ngoài có năm giác quan là năm cửa, trong có cửa ý, tâm là đất, Tánh là Vua. Trên đất tâm này, có Giác Tánh Như Lai, phóng ra ánh

sáng lớn, ngoài soi sáu cửa thanh tịnh, trong phá sáu nẻo luân hồi, Tự Tánh chiếu bên trong ba độc tham sân si diệt trừ, địa ngục và tội lỗi tiêu sạch. Trong ngoài sáng suốt chính là Tịnh Độ."

Thiền tông gọi Tánh Không này là Tâm, Chân Tâm, Phật Tánh, Tâm Không, Tâm Ấn... Mật tông gọi là Kim Cương giới, thế giới bản thể, đối lại với Thai Tạng giới là thế giới hiện tượng.

Ở trên là ba ý nghĩa của Tánh Không. Ba ý nghĩa đó có thể gọi là ba phương diện của cùng một thực tại. Ba phương diện này được Ngài Long Thọ nói trong Trung Luận:

"Các pháp nhân duyên sanh.

Tôi nói chính là Không.

Đó gọi là giả danh.

Cũng là nghĩa Trung Đạo. "

Nói theo ngài Thiên Thai Trí Giả, đó là ba phương diện Không, Giả, Trung của thực tại. Đối với ba phương diện ấy của thực tại Không, đạo Phật có ba pháp tu quyết định được giảng trong những kinh điển như Lăng Nghiêm và Viên Giác để đưa hành giả tương ứng với Thực Tại. Đó là Samatha, Chỉ hay Định để tương ứng với Không. Vipasyana, Quán hay Huệ để tương ứng với Giả. Dhyana hay Thiền, hay Chỉ Quán song tu để tương ứng với Chân Không Trung Đạo đệ nhất nghĩa đế. Đứng trong Triết học Đông phương, chia thực tại làm ba phương diện Thể, Tướng, Dụng thì Không là:

Thể: Không là Chân Không Trung Đạo đệ nhất nghĩa đế, ly tứ cú (vượt ra ngoài bốn ý niệm: có, không, vừa có vừa không, không có không không), tuyệt bách phi (vượt ra ngoài một trăm cái 'chẳng phải là').

Tướng : Không là trống rỗng, không tự tánh.

Dụng : Không là không thật có, như huyễn.

Tóm lại dầu gọi bằng tên gì, chúng ta cũng có một kết luận: Có một thể tánh chân thường, không sanh không diệt, không tăng không giảm, ngoài mọi ý niệm có không. Thể tánh đó là bản thể của mọi pháp và cũng là thể tánh của chúng ta. Nó là Phật tánh của chúng ta, cái vốn có từ xưa đến giờ ở nơi mỗi chúng ta. Chúng ta chỉ thoát khỏi khổ đau, ràng buộc, trôi lăn trong sanh tử luân hồi, ngày nào chúng ta là Nó. Còn là một làn sóng, còn bị trôi chạt trong thân ngũ ấm, chừng đó còn bị đau khổ, trôi lăn. Khi nào làn sóng là

một với đại dương không sanh không diệt, thường, lạc, chân, tịnh, vấn đề đau khổ và luân hồi sẽ chấm dứt. Thể tánh đó là lời hứa vĩnh cửu cho mọi con người chúng ta, những sinh vật khát khao vĩnh cửu chân thường, vì tất cả chúng ta đều sanh ra để chết. Nếu không có thể tánh Chân Không đó, sẽ không có đạo Phật, vì chẳng còn lời giải cho khổ đau, sanh tử và luân hồi, không còn nụ cười an nhiên của Đức Phật, không có sự tự chứng và giúp người khác chứng, không có một Đức Phật nào và một vị Bồ-tát nào.

Tánh Không đó là lời hứa vĩnh cửu cho mọi con người khát khao vĩnh cửu, thường, lạc, chân, tịnh, mà chính Đức Thích-ca đã hứa với mỗi một chúng ta, khi trao y bát cho Ngài Ca-diếp làm vị Tổ đầu tiên của đạo Phật: "Ta có Chánh pháp Nhân Tạng Niết-bàn Diệu Tâm, thực tướng vô tướng, nay phó chúc cho ông."

Tánh Không đó, không phải do giảng thuyết mà đạt được, không do bàn luận mà đạt được không do học tập mà đạt được. Với đạo Phật, nghe (Văn) tư duy (Tu) chỉ để đi đến thực hành (Tu). Tánh Không đó chỉ đạt được do tu tập, do huân tập một cái nhìn khác với cái nhìn của giác quan thường nghiệm, luyện tập một lối suy nghĩ khác với ý thức thường nghiệm để chuyển thức thành Trí. Chuyển thức thành Trí là công phu tu hành của mọi môn phái đạo Phật. Con đường của Giác ngộ là đạo Phật, chỉ có qua sự tu tập. Không có công phu tu tập chúng ta sẽ không tiến được một bước quyết định nào trên con đường đó, không leo lên được một nấc thang nào trong năm mươi bốn địa vị dẫn đến quả vị Giác Ngộ. Bởi thế, khi diễn giải, chúng tôi chú trọng nhiều hơn về mặt thực hành.

Một câu kinh, chúng tôi sẽ giải làm bốn lần:

1. Lần một có tính cách triết lý, để mở ra một ý niệm tổng quát.
2. Tiếp đó câu kinh sẽ được giải ở một mức độ vừa để hiểu (Tu) và để hành (Tu) theo một mức độ mà đạo Phật đòi hỏi
3. Thiên trực chỉ, bằng một vài câu đối đáp của Thiên sư, để trực giác chúng ta bắt nhịp tương ứng với ý vị của thực tại mà các bậc tu chứng cảm nghiệm.
4. Sau rốt là phần thực hành. Phần tự tu cốt để khai mở trí huệ, phá tan vô minh, thấy được Tánh Không, đồng thời để tiệm tu dần dần đi đến trọn vẹn.

Dĩ nhiên thực tại Tánh Không thì vô lượng nghĩa. Không ai có thể nắm bắt được tất cả các nghĩa này trừ bậc Giác Ngộ. Chúng ta chỉ mong giải được một vài nghĩa trong Đại thừa vô lượng nghĩa đó, để cho người ta có được bước đầu căn bản trên con đường tiến đến giác ngộ hoàn toàn.

---o0o---

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh.

Quán Tự Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiêu kiến ngũ uẩn giai Không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị Không, Không bất dị sắc, sắc tức thị Không, Không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp Không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, thị cố Không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo, vô trí diệc vô đắc

Dĩ vô sở đắc cố. Bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn. Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chân thực bất hư:

Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:
Gaté gate, paragaté, parasamgaté Bodhi Svaha

---o0o---

Hành Giải

Ma-ha

1. Ma-ha là lớn. Tánh Không rộng lớn bao trùm cả hư không. Đối với sóng, đại dương là lớn. Nếu so sánh vũ trụ vật chất với Không thì cũng như so sánh các làn sóng trên mặt biển với một đại dương lớn vô hạn. Tánh Không được gọi là lớn, vì đó là thực tánh của vũ trụ vật chất và của con người cho đến các bậc Giác Ngộ. Gọi là lớn vì Không là toàn thể tánh của mọi hiện thể.

2. Ma-ha giảng theo ngài Huệ Năng: “Tự tánh vốn là Không, không một

pháp khác được. Tự tánh Chân Không cũng như thế. Thế giới hư không chứa tất cả vạn vật hình tượng: mặt trời, mặt trăng, sao, sông núi, đất đai, thiên đàng, địa ngục đều ở trong hư không. Tánh Không của người cũng như vậy, gồm chứa vạn pháp gọi là lớn. Tâm như hư không gọi là lớn, Ma-Ha”

3. Một thiền sư nói: “Mở ra thì bao trùm pháp giới. Thu lại thì không dấu vết”

4. Để thấu đạt Tánh Không lớn không gì sánh được đó phải phá bỏ những ngăn che nhốt ta vào thân tâm hữu hạn. Tức là phá bỏ năm ấm: sắc thọ tưởng hành thức. Muốn phá bỏ năm ấm phải quán chúng là không có tự tánh, rỗng không. Phá trừ ngã chấp và pháp chấp, thực tại Không hiện tiền.

Bát-nhã Ba-la-mật-đa

1. Trí Huệ rất ráo đưa qua bờ bên kia. Bờ bên kia là Niết-bàn đối với bờ bên này là sanh tử.

Ý thức bao giờ cũng phân chia chủ thể và khách thể. Cao điểm của ý thức là khoa học. Khoa học là một cái biết bên ngoài mình. Cái biết đó không thể đồng hóa được với vật được tìm hiểu. Với khoa học, luôn luôn có một sự ngăn cách vĩnh viễn giữa người biết và vật được biết. Đó cũng là giới hạn của ý thức. Với cái biết phân chia giữa chủ và khách như thế, cái biết đó không thể là một với bản thể của sự vật. Trí Huệ siêu việt lên ý thức. Trí Huệ là cái biết trong đó, chủ thể và khách thể đều hòa nhập làm một, phá bỏ mọi hiện tượng vô ngoài để làm một trong bản thể, vì bản thể của chủ thể và khách thể là một.

Đây là cái biết của Thiên định. Trí Huệ chỉ có trong Thiên định, nghĩa là khi tất cả mọi vọng tưởng chấm dứt.

2. Trí Huệ Bát-nhã chỉ hiển hiện khi ý thức phân biệt ngừng bật. Khi sóng yên, mặt nước bằng phẳng phản chiếu mặt trăng thực tại. Ý thức luôn duyên theo cảnh ngoài, vọng động không ngừng. Tất cả mọi Pháp môn của đạo Phật đều là điều phục tâm thức, nên lấy tâm làm căn bản. Nếu biết: tâm sanh thì tất cả pháp sanh, tâm diệt thì tất cả pháp diệt, tức thì tâm không còn niệm. Tâm Không là Trí Huệ.

3. Tổ Bá Trượng nói với Thiền sư Vô Ngôn Thông, vị Tổ Thiền Việt Nam:

“Tâm địa nhược không, huệ nhật tự chiếu”. Đất tâm nếu không, mặt trời trí huệ bèn tự chiếu.

4. Ngài Huệ Năng nói: “Niệm trước không sanh là Tâm, niệm sau không diệt là Phật.” Không có niệm sanh, không có niệm diệt là Trí Huệ.

Tâm Kinh

1. Kinh cốt lõi: Kinh rút ngắn của Đại Bát-nhã

2. Các vị Tổ ngày xưa cố ý dùng chữ Tâm trong tựa kinh Bát-nhã. Vì Bát-nhã là Tâm vậy. Tất cả đạo Phật đều quy về Tâm này. Tâm này là thực tại duy nhất, là Phật tánh, là tự tánh, là Không, là Tâm ấn của chư Phật và Tổ.

3. Huyền Sa Sư Bị nói: “Nhu mọi sự đều do ánh sáng mặt trời mà hiện. Mặt trời lại có chỗ chẳng giáp khắp chẳng? Muốn biết Tâm này cũng thế. Hiện nay sông núi, đất bằng, mười phương cõi nước, sắc không, sáng tối, thân tâm ông, cả thầy trời người, các loài tạo nghiệp cho tới các bậc Giác Ngộ đều nhờ cái oai quang viên thành này mà hiện.”

* Một vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: “Ý Tổ Đạt Ma qua Trung Hoa dạy tâm là thế nào?”

Tổ đáp: “Cây bách trước sân”

* Linh Chiếu, con của Bàn cư sĩ nói: “Dễ dễ dễ, trên đầu trăm ngọn cỏ, rành rành ý Tổ sư”

4. Người xưa nói: “Vô tâm, đạo dễ tầm”, “Vô tâm là đạo”. Ngài Huệ Năng lấy Vô niệm làm Tông. Tâm, đối cảnh không sanh, không phân biệt, không chọn lựa yêu ghét, không lấy bỏ, khi ấy toàn thức là Tâm. Lục Tổ Huệ Năng chỉ cho Huệ Minh: “Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, chính khi ấy là bản tâm của người.”

Quán Tự Tại Bồ-tát

1. Chữ Sanskrit Avalokitesvara có thể dịch là Quán Thế Âm hay Quán Tự Tại. Đây là ý chỉ của ngài Huyền Trang khi dịch Quán Thế Âm thành Quán Tự Tại. Thực ra hai danh hiệu đều giống nhau, một bên là nghe, một bên là thấy. Với Bát-nhã Tâm Kinh, căn đợc sử dụng nhiều nhất là con mắt (chiếu kiến năm uẩn đều không). Ngài Huyền Trang thay vì dịch Nghe âm thanh

của thế giới (Quán Thế Âm) lại dịch là Thấy Tự Tại, thấy chân lý, Thấy Đạo. Bởi vì như kinh Lăng Nghiêm nói, một vị Bồ-tát đã diệt trừ được năm âm ngăn che thì các căn có thể đối lẫn cho nhau, nên nghe cũng là thấy, thấy cũng là nghe.

Quán Tự Tại có nghĩa là thấy cái Tự Tại, thấy một cách tự tại. Thấy Thực Tại, thấy chân lý. Quán Tự Tại là cái Thấy được thực tại, Thấy Đạo. Ở đây, chữ Quán Tự Tại vừa chỉ riêng Đức Quán Thế Âm vừa chỉ cho đặc tính của tất cả hành giả Bồ-tát tu theo căn con mắt để thấy được Đạo. Như ngài Quán Thế Âm tu theo nhĩ căn viên thông là lỗ tai nên có danh hiệu là Nghe Tiếng Thế Gian. Vậy thì hành giả muốn thấy Đạo, muốn thấy Tánh Không, phải Quán Tự Tại, nếu Quán Tự Tại rốt ráo thì thành Quán Tự Tại Bồ-tát.

Thấy thực tại là gì? Thấy thực tại là một cái thấy trùm khắp, trong đó chủ thể và khách thể đều tiêu vong như một cái gương sáng rộng vô hạn trong đó hiện đồng thời tất cả hình tướng sắc màu mà không phân biệt. Cái thấy này vượt lên mọi sự phân biệt của thức (từ nhãn thức đến ý thức), cho nên cái Thấy này tự nó là bản thể của thức, tức là Trí Huệ Bát-nhã. Do đó, cái thấy này không nằm trong trường vọng động của thức, mà là Tánh Thấy, như Đức Phật giảng trong kinh Lăng Nghiêm.

Quán Tự Tại là Bồ-tát đạt đến Tánh Thấy, như Quán Thế Âm là Bồ-tát viên thông được tánh nghe. Tánh thấy này không động, không đến, không đi, mặc cho các hình tướng có đến, có đi. Tánh Thấy này được gọi là Chân Như, ở Tâm Kinh gọi là Không, không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm.

2. Quán Tự Tại là Tự Tánh. Quán là chiếu soi. Tự Tại là bất động, tịch diệt. Quán Tự Tại là thường tịnh mà thường chiếu, vừa thường tịnh lặng (Định) vừa thường sáng soi (Huệ), vừa thường Chỉ lại vừa thường Quán. Vừa tịch vừa chiếu, vừa Định vừa Huệ, vừa Chỉ vừa Quán là Tự Tánh. Như gương lớn bao gồm mọi hình tượng, vốn hằng bình an bất động mà vẫn hằng hiện bày mọi hình tượng.

Kinh Kim Cang nói: “Thấy tất cả mọi tướng đều chẳng phải tướng, tức là thấy Như Lai.” (Kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai.) Cái thấy đó, Thiền gọi là thấy Tánh. Trong Tự Tánh trùm khắp pháp giới, chỉ có Tự Tánh độc chiếu không có thân tâm và cảnh giới, không có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh và tướng thọ mạng.

Đây là tông chỉ của ngài Bá Trượng:

“Linh quang độc diệu
Vượt thoát căn trần
Thể lộ chân thường
Không trệ ngữ ngôn.
Tâm tánh không nhiễm
Vốn tự viên thành
Chỉ lia vọng duyên
Tức Như Như Phật.”

3. Thế nào là Quán Tự Tại?

- * Một Thiền sư nói: “Suốt ngày xem núi”
- * Tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông nói:”Mù mắt người đi”
- * Tại sao các Thiền sư được gọi là Sa-môn một mắt?
- * Một Thiền sư nói: “Mây tại trời xanh, nước tại bình”
- * Xuyên Thiền sư nói: “Trời ở trên trời, đất dưới đất. Khúc ca gì mà vui khoái cả muôn năm”
- * Ngài Mã Tổ nói: “Ngày thấy Phật, đêm thấy Phật” (Nhật diện Phật, nguyệt diện Phật.)
- * Một Thiền sư nói: “Cùng tốt pháp giới là một con mắt của Sa-môn”

4. Muốn diệt trừ thức phân biệt để biểu lộ cái Thấy không phân biệt, đừng để cho nhãn thức hoạt động theo lẽ thói của nó. Nhãn thức không phân biệt, thì đó là Tánh Thấy. Cho nên, suốt ngày thấy mà chẳng thấy, suốt ngày nghe mà chẳng nghe, đi đứng nằm ngồi đều một vị bình đẳng. Đó là Nhất Hạnh tam muội.

Khi hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa

1. Khi hành Trí Huệ Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa có nghĩa là đi sâu vào thực tại Không. Nói một cách giản dị, đó là đi sâu vào ba phép tu Chi (Samatha), Quán (Vipasyana) và Thiền (Dhyana). Đó là ba pháp tu tạo nên đạo Phật. Không kinh điển nào không giảng một trong ba pháp tu này.

Chỉ có nghĩa là định tâm, tâm định thì sanh huệ, Trí Bát-nhã xuất hiện rõ ràng trong tâm định.

Quán là quán sát mọi hình tướng mọi tư tưởng đều là giả danh, không thật có, do đó mọi pháp đều như huyễn, do nhân duyên mà có. Nhân duyên đó là do cảnh như huyễn và tâm như huyễn tạo nên. Như trên đã nói, mọi pháp đều không thật, vì không có tự tánh, tâm thức cũng không có tự tánh vì sanh diệt tiếp nối không ngừng. Cả hai thứ không có tự tánh đó đã giả hợp nên thế giới của chúng ta.

Thiền là biết tự tâm Chân Không vượt ngoài mọi hình tướng, thấu thoát qua mọi hình sắc sông núi thân tâm, như tiếng chuông phát ra ngoài mặt chuông không ngăn ngại. Tự tánh đó vừa là tịch diệt yên lặng, vừa sáng soi, trong đó không có căn trần và thế giới. Đó là Chân Tâm của chư Phật.

Người tu theo Bồ-tát Quán Tự Tại đi sâu vào Trí Huệ tức là đi sâu vào ba pháp môn này để nhìn thấy Thực Tại. Nói ngài Quán Tự Tại “hành” chỉ là nói phương tiện, vì ngài có tu nữa đâu. Đây là nói cho chúng ta. Tuy thực tại thì luôn luôn hiện hữu ở bất cứ nơi đâu, trong bất cứ thời gian nào, nhưng vì chúng ta bị các vọng trần tạo ra không gian và vọng niệm tạo ra thời gian che chướng, nên lọt vào trong thế giới trói buộc của không gian cứng đờng và thời gian hạn hẹp. Bị tù hãm trong đó, chúng ta chẳng thể nào thấy được Thực Tại là Chân Không, vốn vô hạn so với không gian hữu hạn, và vĩnh cửu so với thời gian chia cắt và trôi chảy. Chỉ có khi nào thoát khỏi sự ràng buộc của những thứ tạo nên thân tâm chúng ta (sắc thọ tưởng hành thức), chúng ta mới chấm dứt được sự ràng buộc của không gian thời gian, chấm dứt sự ràng buộc trong vòng trôi lăn của luân hồi sanh tử và thấy được thực tại chân thường vốn là khuôn mặt xưa nay của chúng ta.

2. Với người tu đạo Phật, đi vào Trí Huệ nghĩa là thường xuyên quán chiếu và nhận biết những chướng ngại ngăn che Trí Huệ. Các chướng ngại đó là năm ấm. Các chướng ngại hết, ngã pháp đều không, Trí Huệ hiện tiền.

Đi vào thực tại, nghĩa là lìa mọi sai lầm, lìa khỏi tâm, ý, ý thức, nghĩa là vô niệm. Lục Tổ giảng về Bát-nhã: “Nếu tất cả chỗ, tất cả mọi thời, niệm niệm không ngu, thường hành Trí Huệ tức là hạnh Bát-nhã. Một niệm ngu tức Bát-nhã dứt, một niệm trí tức Bát-nhã sanh.” Ngu ở đây nghĩa là bị tướng và tưởng che với Thực Tại.

3. Có người hỏi Thiền sư Cảm Thành, Tổ thứ nhất dòng Vô Ngôn Thông Việt Nam: “Phật là thế nào?”

Đáp: “Khắp tất cả chỗ”

Hỏi: “Thế nào là Bát-nhã?”
Đáp: “Không từng che dấu”

* Người xưa nói” “Xanh xanh trúc biếc đâu chẳng phải là Pháp thân. Rõ rõ hoa vàng đâu không là Bát-nhã”

4. Tổ Huệ Năng dạy về Bát-nhã tam-muội: “Bát-nhã tam-muội là Vô niệm. Thế nào là Vô niệm? Thấy tất cả các pháp không nhiễm, không trước là vô niệm. Dùng thì biến khắp xứ xứ, cũng không nhiễm trước tất cả xứ. Chỉ trong sạch lấy bản tâm, khiến sáu thức ra sáu cửa đối trong sáu trần không nhiễm không tạp, tới lui tự do, dung thông không trệ là Bát-nhã tam-muội”

Chiếu kiến năm uẩn đều Không

1. Soi thấy tất cả những gì theo thế gian gọi là vật chất và tinh thần đều rỗng không, không có tự tánh.

Sắc là những hình tướng vật chất thấy được. Sắc không có tự tánh. Nếu có tự tánh, sắc đã không bị biến dạng và hủy hoại.

Thọ là những gì ta cảm nhận. Thọ là do tiếp xúc, do nhân duyên. Tho qua đi, không để lại vết tích. Thọ làm lạc, do cơ thể khi mạnh khi yếu, khi nóng khi lạnh, trẻ già

Tưởng là các tưởng niệm. Khi nói đến trái me tự nhiên chảy nước miếng. Đó là tưởng. Hình sắc, cảm thọ còn không có tự tánh, không thật, làm sao bóng dáng của chúng trong tâm thức lại thật.

Hành là sự trôi chảy không ngừng của tưởng niệm. Sự trôi chảy, tiếp nối, thúc đẩy nhau của hành là những mắt xích tiếp nối của dòng tâm thức để tiếp tục tái sinh bất tận theo nghiệp thức trong cõi luân hồi. Hành không thật, vì bằng sức định tâm, hành có thể bị chặn đứng và tiêu diệt.

Thức là thứ vi tế nhất mà Đức Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm: “Thức A-đà-na vi tế, ta không nói đến vì sợ chúng sanh chấp làm ngã.”. Cũng chính thức này tạo ra thân tâm và thế giới. Tất cả mọi sự ta cảm nhận, thân thể, thân tâm và ngoại cảnh là do thức tạo thành. Một sự vật tùy theo loài mà cảm nghiệm khác nhau. Một dòng sông là tất cả sự sống của loài cá. Nhưng đó là cái chết của loài chim. Đó là sự sống của loài người nhưng cũng là chướng ngại của loài người. Và đối với ngã quý, theo kinh Lăng Nghiêm,

sông Hằng (Gange) là một dòng lửa đỏ đối với chúng. Thế giới có tùy theo nghiệp thức của mỗi loài. Đó là điều đạo Phật nói là “Tam giới duy Tâm, vạn pháp duy thức.” Thức không có tự tánh, vì thức có thể bị tiêu diệt vì Thiền định. Thức không thật, vì mỗi loài có riêng nghiệp thức của mình

Năm uẩn đó là năm lớp che chướng Thực Tại, chúng đều không có tự tánh, sanh ra rồi diệt mất, theo luật sanh, trụ, dị, diệt. Vì không có tự tánh nên là Không. Tất cả mọi làn sóng khác nhau theo hình thể, tất cả mọi sông, suối, ao, hồ, mây, hơi, đều khác nhau, chúng đều không có tự tánh vì có thể biến hóa, đắp đổi biến thành lẫn nhau. Nhưng tất cả đều là nước. Tất cả sóng, sông, ao, hồ, mây, hơi đều không có tự tánh. Và vì không có tự tánh riêng nên chúng là tánh nước. Cũng thế, tất cả mọi pháp đều không có tự tánh riêng, nên chúng là tánh Không.

2. Tự Tánh Chân Không thì thường tịch mà vẫn thường chiếu. Phật Tâm thì vốn tự định, tự chiếu, hằng yên lặng và sáng soi như thế. Không ai có thể “định” được Phật Tâm, cũng không có trí huệ nào soi sáng thêm cho Phật Tâm. Tự Tánh thì vốn tự nhiên như thế, không sanh diệt, tăng giảm, không hề phải dụng công. Nhưng con người phải dụng công để tương ứng với Tự Tánh. Nếu Tự Tánh thì tự tịch, tự chiếu mà con người bước đầu phải quán chiếu. Quán chiếu là bước đầu của Tịch Chiếu. Quán chiếu thì dụng công, tu tập còn Tịch Chiếu thì không dụng công, không tu, không đắc.

Đối với hành giả mà con mắt Bát-nhã đã phần nào khai mở, nghĩa là bắt đầu quán chiếu, thì tất cả mọi pháp kể cả thân mình đều trống rỗng. Người ấy xem thấy mọi pháp, cả sanh tử lẫn Niết-bàn, đều như những hình ảnh trong một giấc mộng. Chỉ khác là với người thường, những hình ảnh thấy được là trong một giấc mộng không tỉnh thức, còn với hành giả, những hình ảnh của sanh tử là hình bóng của một giấc mộng tỉnh thức. Càng tỉnh thức, trần gian càng biến thành giấc mộng. Tâm Không càng sáng tỏ, trần cảnh càng tiêu vong, đến mức một hình tướng không thể nói là có hay không. Vì thế, đạo Phật dùng chữ Như Huyền. Kinh Kim Cang nói: “Phàm có hình tướng, thấy đều hư vọng.”

Kinh Hoa Nghiêm (phẩm Thập Địa):

“Quán pháp vô tướng cũng vô tánh
Vô sanh vô diệt vốn thanh tịnh
Không có hý luận, không lấy bỏ
Thế tướng tịch diệt như huyền thủy

Hữu vô bất nhị rời phân biệt
Tùy thuận pháp tánh, quán như vậy”

3. Có người hỏi Quốc sư Huệ Trung: “Làm thế nào để giải thoát?”

Sư đáp: “Các pháp không đến nhau, ngay đó là giải thoát”

Lại hỏi: “Làm sao đoạn được?”

Sư đáp: “Đã nói là các pháp không đến nhau, đoạn cái gì?”

* Ngài Duy-ma-cật nói với Ưu-bà-ly: “Tất cả các pháp sanh diệt không ngừng, như ảo, như lặn chớp. Các pháp chẳng đợi nhau, cho đến một niệm cũng không trụ lại. Mọi pháp đều là vọng thấy, như mộng, như nháng lửa, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, do vọng tưởng sanh. Biết thế, gọi là phụng trì Giới luật.”

4. Ngài Duy-ma-cật nói với Đại Ca-diếp: “Vì chẳng ăn nên mới đi khát thực. Vì hoại tướng hòa hiệp nên mới ăn. Vì chẳng thọ nên mới dùng đồ ăn ấy. Vì nghĩ rằng mọi tụ họp là rỗng không nên mới đến chỗ dân cư tụ hội. Chỗ thấy sắc cũng như đui. Tiếng nghe đều như vang, không từ đâu đến, không đi về đâu. Mùi hương cũng như gió. Vị đồ ăn chẳng phân biệt. Cảm thọ mọi xúc đều như Trí chứng. Biết các pháp như ảo tướng: không có tự tánh riêng của mình, cũng không có tánh của cái khác, xưa vốn không cháy, nay tức chẳng tắt.”

Tu như thế là tu Bát-nhã

Vượt qua mọi khổ ách

1. Nơi nào có bản ngã và lòng tham dục của nó, nơi ấy có đau khổ. Nơi nào không có bản ngã và lòng tham dục của nó, nơi ấy mọi đau khổ đều dứt sạch, chỉ còn một vị bình an, trong sạch, Niết-bàn. Có khổ đau vì chúng ta bị ràng buộc trong thân tâm năm uẩn và trôi lăn theo chúng. Khi năm uẩn là Không, khổ đau chấm dứt.

2. Có thân là có khổ, không thân khổ chỗ nào? Kinh Duy-ma-cật nói: “Thân này như bọt đọng, không thể rờ nắm, như bọt sùi, không thể dừng lâu. Thân này như lửa chớp, do khát ái sanh. Như cây chuối, bên trong rỗng không. Như ảo, do điên đảo khởi. Như mộng, do hư vọng thấy. Thân này như bóng, do nghiệp duyên hiện. Như tiếng dội, phụ thuộc các nhân duyên. Như mây nổi, liên miên biến diệt. Thân này không chủ, như đất vô tri. Không có ta, như lửa cháy. Không có người, như dòng nước chảy. Thân này không thiệt,

lấy đất nước gió lửa làm nhà. Thân này là rỗng không, lìa ta và vật của ta. Thân này bất tịnh, đầy dẫy mọi nhơ nhớp xấu xa. Thân này sinh họa, có một trăm lẻ tám bịnh lo buồn. Như rắn độc, như kẻ cướp oán thù, như xóm nhà không người, năm uẩn giả hợp mà thành.”

“Thân này đáng lo đáng chán, hãy nên yêu thích thân Phật. Thân Phật là Pháp thân, rộng không ngăn mé, bất sanh bất diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm”

Pháp thân là Tánh Không mà Tâm Kinh đang nói.

3. Muốn vượt qua mọi khổ ách, giải thoát khỏi sanh tử luân hồi thì phải có người vượt và chỗ để vượt đến. Nếu có người vượt thì đó là cội rễ của sanh tử luân hồi rồi. Nếu có chỗ đến, thì đó nằm trong tam giới sanh tử rồi. Không vượt không được. Vượt cũng không được.

* Đây là câu trả lời của Tổ Đạt-ma, người đã vượt qua mọi khổ ách, khi Lương Võ Đế hỏi: “Trước mặt trẫm là ai ?”

Tổ trả lời: “Quách nhiên vô thánh.” (Rỗng rang như nhiên, tuyệt không có thánh.)

Trong kinh Nikàya, Đức Phật tuyên bố: “Không dừng lại, không bước tới, Như Lai vượt khỏi bực lưu.” (Bực lưu: dòng nước chảy xiết, dòng sanh tử)

Ai hay Bất động đạo tràng lại phá tan sanh tử vậy.

---o0o---

Xá-lợi Tử!

1. Đây là ngài Xá-lợi-phất, vị mà theo kinh Lăng Nghiêm đặc A-la-hán nhờ nhĩ thức. Âm thanh là một rung động tần số, nên bao giờ cũng gây một ảnh hưởng từ vật chất đến tâm linh. Đó là ý nghĩa của các Thần chú (Mantra). Chỉ một tiếng kêu này cũng đủ để Xá-lợi-phất thức tỉnh trước thực tại Không. Sự thức tỉnh bằng cách gọi tên này được áp dụng rất nhiều trong Thiền tông.

2. Chỉ một tiếng gọi đủ phá tan năm ấm.

Có một vị Thiền sư gọi đệ tử: “Xà-lê!”

Đệ tử ứng tiếng: “Dạ.”

Thiền sư hỏi: “Ai đó?”

3. Một hôm ngài Ca-diếp gọi A-nan: “A-nan!”

A-nan đáp: “Dạ.”

Tổ nói: “Cây phướn trước chùa ngã rồi!”

A-nan liền ngộ.

4. Khi một Thiền sư gọi chúng ta, ta trả lời như thế nào? Nếu trả lời, ta đang mắc vào ngã tướng và năm âm. Không trả lời thì không được, lưỡng nan này làm sao vượt qua? Vượt qua được tức vượt qua mọi khổ ách. Chúng ta hãy tự hỏi lấy chính mình” “Ai đó?” Ai đang nói, đang đi, đang ăn, đang suy tưởng? Có ai là có sanh tử. Nếu biết hỏi lấy chính mình thì cũng biết giải thoát chính mình

Sắc chẳng khác Không

1. Hiện tượng không khác bản thể. Sóng không khác nước. Bóng trong gương chẳng lia gương mà có. Đối với chúng ta, kẹt trong sắc ấm thì sắc là sắc, còn Không là gì, không ai biết. Tuy chưa biết tánh Không là gì nhưng tin vào lời dạy của Đức Quán Thế Âm, chúng ta tin rằng mọi pháp đều không có tự tánh, trống rỗng và vì trống rỗng nên đầy ấp một thực tại siêu việt mà chỉ có những bậc tu chứng mới hiểu nó là gì, vì vượt ra ngoài có và không. Thực tại đó Tâm Kinh gọi là Không.

2. Sắc là hình tướng. Hình tướng đó rỗng không nên chứa đầy Thực Tại là Tánh Không. Sắc chẳng khác Không vì mọi sợi lông trên thân con sư tử bằng vàng phải chứa đầy vàng. Trong thực tại Chân Không vô tướng, các hình sắc đều trở về gốc nguồn của nó là Chân Không. Trong Chân Như thì mọi thứ hình tướng từ địa ngục đến Niết-bàn, từ nga quý, súc sanh lên đến chư Phật đều là Chân Như. Trong Như Lai Tạng, tất cả sắc thọ tướng hành thức đều là Như Lai Tạng. Tất cả mọi pháp dơ sạch, phàm thánh, trời người, phàm phu đến giác ngộ, vô tình lẫn hữu tình, đều đồng một tâm là Phật tâm. Sắc chẳng khác Không vì toàn sắc là Không, toàn tướng tức tánh, toàn bóng là gương. Không vốn yên lặng, rỗng không, sáng soi, thanh tịnh, nên sắc cũng yên lặng, rỗng không, sáng soi, thanh tịnh.

3. Một thí dụ trong kinh nói:”Như hạt châu chiếu thành nhiều màu sắc.” Các màu sắc đó có khác hạt châu không?

* Tướng quốc Bùi Hưu một lần đến hỏi đạo với Tổ Mục Châu.

Hỏi: “Muốn vào đạo, theo cửa nào vào?”

Tổ đáp: “Theo cửa Tin mà vào”

Lại thấy bức tranh vẽ hai Thiền gia đang luận đạo, tướng quốc hỏi Tổ: “Họ đang làm gì thế?”

Tổ cầm trượng gõ vào vách. Đáp: “Trong ba thân, thân nào chẳng nói pháp?”

* Một đệ tử hỏi Thiền sư: “Thế nào là Phật tâm?”

Thiền sư dựng đứng cây phát trần, không đáp.

4. Sắc chẳng khác Không. Phương pháp tu hành nhiếp mọi tướng về nguồn tánh. Khi thấy sắc, quán sắc là Không. Khi thức khởi, nhiếp thức trở về tâm Không. Từ tướng về Tánh, từ ngọn về gốc, đó là pháp tu từ Quán đến Chỉ. Khi mọi tướng đều về nguồn Không, vọng tướng không khởi là Chỉ. Kinh Lăng Nghiêm, Viên Giác, luận Đại Thừa Khởi Tín đều nói Chỉ là một trong ba pháp tu.

Ngài Thiên Thai Trí Giả gọi là pháp quán Không “theo giả nhập Không quán”, một trong ba pháp quán Không, Giả, Trung

Pháp quán Không này phải được hành trong tất cả mọi thời đi đứng, nằm ngồi. Thấy sắc đâu là Không đấy. Tướng khởi, liền biết là Không, tâm liền vô niệm, nghĩa là tướng trở lại cội nguồn thật tướng của nó là Tánh Không.

Không chẳng khác sắc

1. Khi đã thấu hiểu bản thể, bản thể làm sao khác với cái nó sinh ra. Khi biết toàn thể của cây làm sao có thể nói lá này không phải cây? Khi biết được tánh nước ai có thể nói riêng dòng suối này hay đám mây này không phải là nước? Ai có thể bảo rằng vũ trụ này ở ngoài không gian, hưởng hò Chân Không Như Lai Tạng là cái sinh ra không gian ấy, làm sao những thế giới lại ở ngoài và không sinh ra bởi Như Lai Tạng được.

2. Tánh Không là thật tánh của mọi pháp, nên tánh Không chẳng khác với bất cứ pháp nào. Biển cả là thật tánh của mọi làn sóng, sóng không phải hai, không phải khác với biển cả. Trong tấm gương, gương không khác bóng. Bóng phải nằm trong gương, vì gương hiện bóng chứ bóng không hiện thành gương được. Không chẳng khác sắc, Tánh Không thì tịch diệt và rỗng lặng, sáng soi nên sắc tướng cũng tịch diệt, rỗng lặng, sáng soi. Trong Tánh Không hằng sáng rõ, thấu suốt, thanh tịnh, toàn thể sắc tướng đều là Tánh Không, tròn đầy sáng rõ, làm sao nói Không khác sắc? Không chẳng khác

với toàn thể sắc tướng, mà Không cũng chẳng khác với mỗi một sắc tướng, nên mỗi một sắc tướng cũng là Không.

Tại sao Không không khác sắc mà lại có sắc? Sắc có là như huyễn vì thức biến hiện vậy.

3. Có người hỏi một Thiền sư: “Tại sao Không chẳng khác sắc?”

Đáp: “Vì vô ngại vậy.”

* Một Thiền gia hỏi Tổ Triệu Châu: “Thế nào là Triệu Châu?”
Tổ đáp: “Cửa đông, cửa tây, cửa nam, cửa bắc.”

* Tổ Lâm Tế giảng: “Kẻ đạo nhân không chỗ nương có (vô vị chân nhân) vào lửa, lửa không cháy, vào nước, nước không chìm, suốt thông bốn đại, xuyên qua núi sông, trời đất, tột thấu từ địa ngục đến Niết-bàn”
Một người tiến lên hỏi: ”thế nào là vô vị chân nhân ấy?”
Tổ liền hét.

4. Từ chỗ vọng tưởng ngưng dứt, đó là Không. Không là thể của pháp Chi. Từ Không, khởi ra pháp quán về mọi sắc tướng. Đã là không thì làm sao hiện sắc? Như thế, sắc ấy là giả tướng, như huyễn. Đó là Chi đi đến Quán. Pháp quán Huyền này là một trong ba pháp tạo nên đạo Phật Đại Thừa.

Ngài Thiên Thai Trí Giả gọi là pháp quán Giả, “theo Không nhập Giả quán”. Quán Giả là thấy tất cả mọi hình tướng đều giả danh, như huyễn vì do thức mà có. Đã là Không, làm sao có thật sắc?

Kinh Viên Giác nói: “Pháp quán này như hạt mầm giống, lần lần tăng trưởng, đến khi cái giả đã hết thì Chân Tánh hoàn toàn hiện.

Sắc tức là Không, Không tức là sắc

1. “Không khác” chỉ là mới thoát nhìn, “tức là” mới chân thật. Sóng không chỉ không khác với nước mà sóng đích thị là nước. Hiện tượng đích thị là bản thể, vì hiện tượng là hiện tượng của bản thể và bản thể lộ bày trong mỗi hiện tượng. Không có làn sóng nào nằm ngoài đại dương và đại dương nằm trong mỗi bọt sóng.

Đối với con mắt thế gian thì sự phân đôi chính là một nghiệp dĩ của con người. Bao giờ cũng có hai mặt, bản thể và hiện tượng. Thấy hiện tượng thì

lại quên mất bản thể. Tìm bản thể lại chạy đâu đâu ra ngoài hiện tượng. Chỉ có con mắt Bát-nhã mới thấy được cái Tức Thị đó.

Phẩm Bất Nhị Pháp Môn kinh Duy-ma-cật nói: “Sắc và Không là hai. Sắc tức là Không. Cái chẳng phải sắc cũng là Không. Tánh của sắc tự Không. Ai thông đạt lẽ ấy tức nhập vào Pháp môn Không Hai. Sanh tử và Niết-bàn là hai. Nếu thấy được tánh sanh tử, tức chẳng có sanh tử, không trói buộc, không cởi mở, không khởi, không diệt. Biết thế là vào Pháp môn Không Hai.”

Chỉ có con mắt Bát-nhã mới thấy được cái Không Hai đó. Mê lầm thấy có hai vì lỗi của thức. Thức thì bao giờ cũng phân hai, đây là tôi, kia là cái tôi thấy. Đây là sanh tử, còn Niết-bàn là cái ở đâu đó ngoài tôi. Thậm chí trong Tánh Không bình đẳng một vị, thức cũng cho rằng tôi đạt đến Tánh Không nhiều hay ít hơn kẻ này người nọ. Đẹp cái thức phân biệt này đi, Trí Vô Phân Biệt hiện tiền. Trí Vô Phân Biệt thì thấy ngay thực tại Không Hai này vậy. Thức phân biệt gọi là có niệm. Không phân biệt thì vô niệm. Vô niệm tức là Trí Bát-nhã.

2. Trong Chân Tâm Không Tánh sáng suốt thấu suốt mười phương, tất cả mọi pháp đều thanh tịnh. Toàn sắc là Chân Không, toàn bóng là gương, không hai không khác, nói có cũng không thể được, nói không cũng không thể được. Toàn tướng tức tánh, toàn hiện tượng là bản thể nên không thể nói là có tướng, cũng chẳng phải là không có tướng.

Chẳng phải phạm, chẳng phải thánh, đương thể không tịch tức là Chân Không. Tức là sắc, tức là Không, vạn pháp như như tức là Diệu Hữu. Chân Không Diệu Hữu đó là Chân Như.

Kinh Đại Bát-nhã nói: “Nhất thiết trí trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, vì không riêng không khác vậy.” Nhất thiết trí trí là Như Như. Sắc cũng Như mà Không cũng Như.

Kinh Đại Bát-nhã lại nói: “Như Lai Như tức thị nhất thiết pháp Như, Nhất thiết pháp Như tức thị Như Lai Như.” Nhất thiết pháp Như là nhất thiết pháp Không. Chân Không là Chân Như, Sunyata là Tathata.

Chân Như, Tánh Không và Bát-nhã là một: “Bồ-tát trong hết thảy các pháp bản lai tự tánh thanh tịnh mà tu học Bát-nhã. Đây là phương tiện sẵn có

trong Bát-nhã và phát sanh từ Bát-nhã. Bồ-tát soi thấy thực tại Như Thực đó và xa lìa mọi kinh hãi khiếp sợ.”

Sắc tức thị Không là toàn tướng tức tánh. Không tức thị sắc là tánh tướng Như Như. Tiến thêm một bước nữa, một tướng cũng là tánh, mỗi một sắc cũng là Không, không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Sắc thọ tướng hành thức đều là Như Lai Tạng.” Không những toàn sắc là Như Lai Tạng mà mỗi một sắc cũng là Như Lai Tạng, không tăng giảm, không sanh diệt. Kinh Đại Bát-nhã gọi là Sắc Như. Ở đây là chỗ ý thức không thể nào hiểu được. Nói theo hệ thống kinh Hoa Nghiêm, sắc là sự, Không là lý.

Sắc khác Không là thế giới của sự, còn kẹt trong sự

Toàn sắc là Chân Không là thế giới của lý vì thấu được lý.

Mỗi một sắc cũng là Không, mỗi một tướng cũng là Tánh, mỗi một bọt nước cũng là đại dương, không sanh diệt, cấu tịnh, tăng giảm: sự lý vô ngại

Mỗi một sắc bao gồm tất cả sắc, tất cả sắc nằm trong một sắc, đây là diệu dụng của Chân Không: sự sự vô ngại.

3. Một Thiền sư, khi có người đến hỏi Đạo là gì, bảo thị giả mang cái tịnh bình lại. Người hỏi không hiểu. Thiền sư bảo thị giả mang tịnh bình để lại chỗ cũ.

* Tổ Triệu Châu, khi thấy có người đến bèn hỏi: “Tùng đến đây chưa?”

Người ấy trả lời: “Thưa chưa.”

Ngài bảo: “Vậy hãy uống trà đi.”

Lại có người khác đến, Tổ cũng hỏi: “Tùng đến đây chưa?”

Trả lời: “Dạ đã có đến.”

Tổ bảo: “Vậy hãy uống trà đi.”

Thị giả thấy thế liền hỏi: ”Người chưa từng đến, Thầy cũng bảo uống trà, người đã từng đến, Thầy cũng bảo uống trà, thế là thế nào?”

Tổ đáp: “Người cũng hãy uống trà đi.”

* Thiền sư Sùng Tín có đệ tử là Đạo Ngô. Đệ tử ở với Thầy mấy năm không thấy Thầy dạy điều gì. Một hôm thưa với Thầy: “Con ở với Thầy bao nhiêu năm mà Thầy không chỉ dạy cho điều gì cả, nay xin Thầy cho con đi học chỗ khác.”

Thiền sư bảo: “Từ ngày ngươi vào đây, ta chưa từng không chỉ dạy tâm yếu.”

Đạo Ngô hỏi: “Thầy chỉ dạy chỗ nào đâu?”

Thiền sư đáp: “Ta có dầu gì ông đâu. Khi ông dâng trà, ta vì ông tiếp lấy. Khi ông mang gạo đến, ta vo gạo. Khi ông ăn xong, ta rửa bát. Khi ông bung com lên, ta nhận lấy. Khi ông xá lui, ta gật đầu. Chỗ nào mà chẳng chỉ tâm yếu?”

Ngay đó, Đạo Ngô đại ngộ.

* Ngài Hư Vân nói trong bài kệ ngộ đạo: “Sơn hà đại địa tức thị Như Lai.”

4. Sắc tức thị Không, Không tức thị sắc.

Tướng tức tánh, tánh tức tướng, tánh tướng Như Như, là pháp tu thứ ba trong ba pháp quán của đạo Phật. Đó là Thiền hay Chỉ Quán song tu. Thiền là cái Tức Thị này. Kinh Kim Cang nói: “Như Lai đó, chính là nghĩa Như của hết thảy các pháp.” Và kinh kết luận: “Không giữ lấy tướng, như như chẳng động.” Đó là Thiền.

Đây cũng là pháp quán Trung Đạo của ngài Trí Giả:

“Nếu Bồ-tát muốn đầy đủ tất cả Phật pháp trong một niệm thì cần tu Tức Nhị Biên Phân Biệt Chỉ, thực hành Trung Đạo chánh quán. Biết tâm không phải chân, không phải giả, thế là cái tâm duyên theo chân giả bèn tịch diệt, thế gọi là chánh để quán. Tâm không phải không, không phải giả, mà không phá các pháp Không, Giả, nhận rõ như thế thì thông suốt Trung đạo, soi khắp được chân đế và tục đế nơi tự tâm. Thấy được hai đế Trung đạo nơi tất cả các pháp, cũng không chấp trước hai đế Trung đạo, vì chúng không có tánh quyết định. Đó là Trung đạo chánh quán.”

Trong Tứ liệu giản của ngài Lâm Tế, điều này là nhân cảnh bất câu đoạt, không trụ cảnh, không trụ tâm, không quán cảnh cũng không quán tâm. Tâm ở tự tâm, cảnh ở tự cảnh, không nhiễm không trước, không quán sắc là Không mà cũng không quán Không là sắc. Sắc tự nó là Không, nên sắc là Chân Sắc. Không tự nó là sắc nên Không là Chân Không, vạn pháp tự Như Như. Đó là Bình Thường Tâm của Thiền.

Thọ, tướng, hành, thức lại cũng như thế

1. Thọ tướng hành thức lại cũng như sắc, không có tự tánh, rỗng không, đều tức là Không. Chúng có mà không thật có nên là Giả huyễn. Cuối cùng sắc

thọ tướng hành thức là sắc thọ tướng hành thức Như, đó là Trung Đạo đệ nhất nghĩa.

2. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Một tinh minh chia làm sáu phần hòa hiệp.” Tinh minh là Tự Tánh Chân Không Như Lai Tạng. Sáu phần hòa hiệp là sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tinh minh là thể, sáu căn là dụng. Thể vốn là Chân Không Như Lai Tạng, nên dụng là sáu căn cũng là Chân Không Như Lai Tạng. Không những sáu căn mà sáu trần cũng là Như Lai Tạng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Như Lai Tạng “phi” tất cả mà cũng “tức” tất cả.” Lại nói: “Một căn đạt viên thông, sáu căn đều có thể dùng lẫn nhau.” Nghĩa là khi một dụng đã trở về thể Chân Không thì năm dụng kia đều cùng về và trở thành diệu dụng của thể Chân Không.

Cho nên một khi đạt đến Tự Tánh Chân Không Như Lai Tạng thì tất cả đều biến thành Như Lai Tạng, vũ trụ trở thành pháp giới, sanh tử trở thành Niết-bàn, sáu căn thanh tịnh, sáu trần, sáu thức thanh tịnh, từ một thể giới cho đến tất cả thể giới đều thanh tịnh.

3. Một nhà sư đến Tô Quy Sơn. Tô hỏi: “Ông tên gì?”

Nhà sư đáp: “Dạ tên Quy Chân.”

Tô hỏi: “Quy Chân ở đâu?” (ý nói Chân Tâm ở đâu?)

Sư không đáp được, bèn xuống núi thì gặp Ngưỡng Sơn đang chăn bò ở đó, Ngưỡng Sơn hỏi lý do sao lại xuống núi mau thế. Nhà sư kể lại Ngưỡng Sơn bèn nói: “Ông hãy lên núi lại, trả lời Tô rằng: Ở trong mắt, trong tai, trong mũi, trong lưỡi.”

Nhà sư lên nói lại với Tô như thế.

Tô Quy Sơn bảo rằng: “Đây chẳng phải là lời của ông đâu, mà là lời của vị Thiện tri thức của năm trăm học chúng.”

* Có vị Tăng hỏi Thiền sư Quy Tĩnh về công án “Cây bách trước sân” của ngài Triệu Châu.

Thiền sư bảo: “Ta chẳng tiếc nói với người, chỉ sợ người không tin.”

Đáp: “Con đâu dám không tin lời Hòa thượng.”

Thiền sư bảo: “Người nghe giọt mưa rơi trước thêm chẳng?”

Vị tăng ấy hoát nhiên bất giác thốt lên tiếng: “Chao ôi!”

Thiền sư hỏi: “Người thấy đạo lý gì?”

Tăng làm bài kệ. Thiền sư chấp nhận.

Chuyện này nhắc chúng ta nhớ đến chuyện một vị tăng hỏi một Thiền sư: “Thể nào là một giọt nước của Tào Khê?”

Thiền sư đáp: “Một giọt nước của Tào Khê là một giọt nước của Tào Khê.”
Ngay đây, vị tăng tỉnh ngộ.

* Khi Đức Phật giác ngộ dưới gốc Bồ-đề, Ngài thốt lên: “Đâu ngờ chúng sanh xưa nay vốn đã thành Phật.” (vốn có tri kiến của Như Lai.)

4. Đối với người thường, thấy sắc có khởi sanh rồi cho là có sắc diệt. Thấy có thức khởi lên rồi cho là có thức diệt. Vì thấy có sanh diệt như thế, rồi chạy theo sanh diệt ấy mà trôi lăn trong sanh tử.

Đối với người tu học Bát-nhã, không thấy có sắc khởi sanh, không thấy có sắc tiêu diệt, không thấy có thức sanh rồi diệt. Vì không thấy sanh diệt nên không theo sanh diệt đó mà chìm trong sanh tử. Khi thấy sắc, biết sắc là Không, tâm không nhiễm ô, tâm thức chẳng nhiễm ô thì tâm đó là Tự Tâm. Thức không vọng khởi thì toàn thức là Tánh. Ngài Mã Tổ nói: “Đạo không cần tu tập, chỉ cốt đừng ô nhiễm.”

Khi cảm thọ, biết thọ là Không. Thọ đã là Không thì mọi âm thanh sắc tướng đều lưu xuất từ Như Lai Tạng, mọi tiếng đều là tiếng Phật, mọi sắc đều là sắc Phật.

Đối cảnh hay không đối cảnh, vọng tưởng phân biệt không khởi. Vọng tưởng không khởi là Tâm vô niệm. Tâm vô niệm là Trí Bát-nhã, thường tịch diệt mà thường sáng soi, toàn khắp Pháp giới như gương lớn hiện muôn ngàn cảnh tượng. Trí Huệ đó, Duy Thức gọi là Đại Viên Cảnh Trí, tấm gương vô hạn hàm chứa mọi thế giới, mọi thánh phàm, mà không ô nhiễm vì mọi hình sắc đều như có như không.

Bài kệ ngộ đạo của tú tài Trương Chuyết:

“Quang minh tịch chiếu khắp hà sa.
Phàm thánh hàm linh chung một nhà
Một niệm không sanh toàn thể hiện
Sáu căn vừa động bị mây mờ
Đoạn trừ vọng tưởng càng tăng bệnh
Quy hướng Chân Như cũng là tà
Tùy thuận thế duyên, không chướng ngại
Niết-bàn sanh tử thấy không hoa”

Mọi chuyển động của tâm thức, dù nhỏ nhiệm đến đâu đều là hành. Chuyển

động là sanh diệt. Tánh và tướng của hành là Không, như hoa đốm giữa trời. Như thế đang khi sanh tức chẳng sanh. Ở trong cái vắng lặng không sanh đó, tức là Niết-bàn tịch diệt hiện tiền.

Thức là gốc rễ sâu thẳm của mọi vô minh nơi con người. Thức phân biệt là sanh tử, thức không phân biệt thì toàn thức là Niết-bàn diệu tâm. Biết thức là Không, khi khởi thì như huyễn, biết mọi pháp có ra là do thức khởi động, thức không khởi động theo chiều hướng phân biệt chia cắt thì pháp giới tịch tịnh. Biết như thế, sáu căn, sáu trần, sáu thức đều như huyễn. Như huyễn vì do thức, đó là quán Giả, một trong ba pháp quán của Đại thừa.

Tóm lại, khi thấy sắc, không khởi sắc tướng, khi thức khởi biết đó là hư vọng, tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai đều là bất khả đắc. Trong mọi thời sắc thọ tướng hành thức đều không khởi không diệt. Nếu năm uẩn khởi lên, biết đó là rỗng không, như huyễn. Tâm sanh thì tất cả pháp sanh, tâm diệt thì tất cả pháp diệt. Tâm không sanh diệt là Chân Tâm Không Tánh.

---o0o---

Xá-lợi Tử! Thế nên mọi pháp là Không tướng, không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm.

1. Không tướng có ba nghĩa: Thứ nhất, Không tướng là tướng rỗng không, không có tánh riêng. Thứ hai là tướng giả hợp như huyễn, do có thức mà thành. Thứ ba, Không tướng là tướng của Chân Không. Mọi pháp đều nằm trong Không, mọi bóng sắc đều nằm trong gương Không. Gương Không này không sanh không diệt, không dơ sạch, không tăng giảm vì đó là thực tại tối thượng. Gương Không thường sáng tỏ, rỗng rang không bờ mé. Không tướng đó là tướng của Chân Không nên là thật tướng. Thật tướng Không tướng là nói về phương diện Chiếu của Chân Không vậy.

Trong Không, tánh tướng không hai, tánh tức là tướng, tướng tức là tánh. Nói về tịch diệt bất động thì Tịch là Tánh. Nói về sáng soi thấu suốt thì Chiếu là Tướng. Tịch Chiếu không hai nên tánh tướng như như. Không tướng là cái tướng Chiếu này của tánh Không. Tướng Không sáng soi chiếu khắp này ở chỗ khác được gọi là Vô Tướng.

Tánh của mọi pháp là Không, xưa không sanh nay không diệt, bình đẳng vắng lặng. Các pháp do nhân duyên sanh không có tự tánh. Khi sanh không thật có sanh, nên gọi là bất sanh. Khi diệt không từng có diệt, nên gọi là bất

diệt. Khi sanh không đến từ đâu, nên gọi là bất sanh. Khi diệt không đi về đâu, nên gọi là bất diệt. Người không tu thấy có các pháp biến hiện sanh diệt vì do thức động thành vọng tưởng.

Tánh Không vốn rỗng lặng và hăng hăng thanh tịnh. Các tướng cũng là tánh Không, nên cũng rỗng lặng và thanh tịnh như thế. Vì hăng hăng thanh tịnh nên không có gì làm ô nhiễm được, cho nên cũng chẳng có ý niệm sạch. Hăng hăng thanh tịnh nên gọi là bất cấu bất tịnh.

Thấy có tăng giảm vì vọng thấy tướng, vọng chấp tướng. Khi các pháp là Không tướng, khi các bóng duy chỉ là gương thì tăng giảm chỗ nào?

Kinh Pháp Hoa nói: “Các pháp từ bản lai, Thường tự tịch diệt tướng”

2. Trong Tự Tánh Chân Không tịch diệt sáng soi bao quát khắp, toàn thể sắc tướng đều là thật tướng của cái Chân Không này. Sắc là Chân Không thể hiện ra chỗ con mắt. Không là chân sắc phổ chiếu không ngăn mé. Chư pháp Không tướng, toàn sắc là Chân Không, tràn đầy chiếu khắp, đâu có sắc thì đó là Không, Không ở khắp tất cả nên sắc ở khắp tất cả. Đâu có bóng sắc thì đó là gương Không. Gương Không không chỗ nào thiếu hụt, biến mất, thì sắc cũng không chỗ nào không có, biến mất khắp mười phương. Sắc đó là Chân Sắc. Chân Sắc và Chân Không, không hai không khác. Đâu có tướng được thấy thì đó là Tánh Thấy. Tánh Thấy phổ khắp không ngăn mé thì tướng sắc cũng sáng đầy khắp pháp giới.

Toàn sắc đều tròn sáng rỗng lặng trong Chân Không rỗng rang thanh tịnh, toàn bóng đều sáng soi, rỗng lặng trong gương Không. Không là thực tại không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, nên sắc cũng như thế. Không không hề nhiễm ô bởi sắc vì trong Không, sắc vốn thanh tịnh, không sanh diệt tăng giảm. Trong tánh Không, sắc không phải có mà cũng chẳng phải là không có, không phải thật mà cũng chẳng phải giả, không phải sanh ra mà cũng phải đã diệt. Chính thế mà sắc chẳng làm ô nhiễm Không, chẳng làm cho Không tăng thêm hoặc giảm bớt. Không những toàn sắc đều sáng soi rỗng lặng trong Chân Không thanh tịnh, mà mỗi một sắc đều tròn sáng, rỗng lặng, thanh tịnh và không sanh không diệt, không dơ sạch, không tăng giảm như Chân Không. Đó là Diệu Hữu.

3. Một bà lão sai người mang phẩm vật đến cúng dường một Thiền sư và yêu cầu ngài đọc hết Đại Tạng Kinh. Thiền sư rời khỏi chỗ ngồi, đi quanh ghế một vòng rồi nói: “Tôi đã đọc xong Đại Tạng Kinh rồi đó.”

Lão bà nghe kể lại như thế, nói rằng: “Ta đã yêu cầu Thiền sư đọc trọn Đại Tạng Kinh, vậy mà Thiền sư mới đọc có một nửa.”

Người sau bình luận: Dầu Thiền sư có đi một vòng khắp pháp giới thì vẫn chỉ là đọc một nửa. Vậy thì đi như thế nào mới gọi là đọc hết Đại Tạng?

* Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng đến Tào Khê. Tổ Huệ Năng hỏi: “Ở đâu đến?”

Thiền sư thưa: “Ở Tung Sơn đến.”

Tổ hỏi: “Vật gì đến?”

Thiền sư trả lời: “Nói như một vật tức chẳng trúng.”

Tổ hỏi: “Lại có thể tu chứng chăng?”

Thiền sư trả lời: “Tu chứng tức chẳng không, nhiễm ô tức bất đắc”

Tổ ấn chứng: “Chính cái không nhiễm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, người đã như thế, ta cũng như thế.”

* Một hôm Bá Trượng cùng thầy là Mã Tổ ra ngoài đồng. Có một bầy le le bay qua, xa mắt

Mã Tổ hỏi: “Le le bay đi đâu?”

Bá Trượng: “Chúng bay qua mắt rồi.”

Mã Tổ nắm mũi Bá Trượng kéo mạnh, hét: “Bay đi hồi nào?”

Bá Trượng đại ngộ.

Hôm sau Mã Tổ thượng đường thuyết pháp, Bá Trượng lật ngược thiền sàng, bước ra.

Mã Tổ bèn ấn chứng cho giữa chúng.

* Tiệm Nguyên cùng thầy là Đạo Ngộ đến nhà người chết.

Tiệm Nguyên bước vào, thấy cái hòm, hỏi thầy: “Sống hay là chết?”

Đạo Ngộ gõ vào hòm, đáp: “Sống chẳng, ta không nói. Chết chẳng, ta không nói.”

Tiệm Nguyên hỏi: “Tại sao Thầy lại không nói?”

Thầy đáp: “Không nói là không nói.”

Tiệm Nguyên: “Thầy không nói thì con đánh.”

Đạo Ngộ để cho Tiệm Nguyên đánh mà không nói.

Về sau khi ở xa Thầy, Tiệm Nguyên đại ngộ nhờ chỗ này, cảm kích tám lòng từ bi của Thầy biết bao, thì Thầy đã chết.

* Một vị tăng lên núi Ngũ Đài, gặp một chú bé, hỏi chú bé ở với ai. Tiểu đồng đáp: “Ở động Kim Cương”

Hỏi: “Nơi ấy như thế nào?”

Đáp: “Rắn rỗng lẫn lộn, phàm thánh ở chung.”

Hỏi: “Đồ chúng bao nhiêu?”

Đáp: “Trước ba ba, sau lại ba ba.”

Sau này vị tăng ấy mới biết đó là tiểu đồng của Bồ-tát Văn-thù trên Ngũ Đài Sơn.

* Bài tụng của Xuyên Thiên Sư:

“Tròn tợ thái hư, không thiếu không dư.

Pháp cùng phi pháp tướng

Nắm mở cũng bàn tay

Muôn dặm mây bay sạch

Trời xanh một dạng bày.”

Lại nói tiếp: “Muốn tin cho chắc chắn, Bắc Đẩu phía nam xem.”

* Tăng Thông Khánh Hỷ đời Lý:

“Càn Khôn tận thị mao đầu thượng. Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung.”

(Toàn vũ trụ ở trên đầu sợi lông. Mặt trời mặt trăng nằm trong hạt cải nhỏ)

* Có người hỏi một Thiền sư: “Thế nào là sắc tức thị Không?”

Thiền sư trả lời: “Lưới trời Đế Thích”

Đây là Đế Thích võng cảnh giới môn trong Thập huyền diệu lý của Hoa Nghiêm Tông.

4. Kinh Đại Bát-nhã nói: “Bát-nhã Ba-la-mật này thật khó tin, khó hiểu. Bởi vì Sắc không phải phược, không phải giải. Vì sao? Vì sắc lấy vô tánh làm tự tánh, không có tiền tế, không có trung tế, không có hậu tế. Vì không tự tánh là tự tánh của nó nên không trói buộc, không cởi mở.”

Tổ Huệ Năng nói: “Niệm trước không sanh là Tâm. Niệm sau không diệt là Phật.” Cái Tâm không sanh không diệt này là Phật Tâm, hay là tâm vô niệm. Tâm vô niệm thì đương thể không tịch.

Tâm của anh hiện giờ không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, thì đó là Phật Tâm chớ còn gì nữa?

Thế nên trong Không, không có sắc, không có thọ tướng hành thức, không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có sắc thanh hương vị xúc pháp, không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới, không có vô minh, cũng không có hết vô minh, cho đến không có lão tử, cũng không

có hết lão tử, không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí huệ cũng không có chứng đắc.

1. Sắc thọ tướng hành thức rỗng không nên chúng tràn đầy một Tánh Không. Trong Tánh Không, năm uẩn rỗng không, không có tự tướng riêng, nên tràn đầy Tánh Không, không có tánh riêng nào khác ngoài Tánh Không. Tánh và tướng giả hợp của chúng là Không nên trong Tánh Không đó, hoàn toàn không có năm uẩn. Như những giọt nước trong biển cả, không thể nói có riêng hạt nước nào.

Các pháp sắc thọ tướng hành thức do nhân duyên sanh nên giả hợp. Nhân duyên đã là Không nên chúng là huyền hợp, huyền sanh. Khi sanh do thức vọng động, không thật có sanh. Khi diệt là do thức vọng diệt, không thật có diệt. Nên trong cái không sanh không diệt ấy chưa từng có sắc thọ tướng hành thức sanh ra, huống hồ là diệt mất.

Như trên, kinh đã nói, mọi pháp đều Không tướng. Không tướng là thể sáng chiếu cùng khắp, tột không ngăn mé, trong đó tất cả mọi tướng vọng tưởng đều tiêu vong, nên nói là không có sắc cho đến không có Niết-bàn. Trong Tánh Không, ánh sáng của Tánh Không, tức là cái Không Tướng, triệt tiêu tất cả mọi hình tướng. Ánh sáng vô phân biệt của tự tánh triệt tiêu tất cả mọi phân biệt của tâm, ý, ý thức nên toàn thể pháp giới đều rỗng rang, thanh tịnh bình đẳng một vị.

Nói đến sáu căn thì sáu căn là dụng của Tự Tánh Chân Không. Thể đã là Chân Không thì dụng là sáu căn cũng là Không, rỗng rang thấu suốt. Nên đứng trong năm ám vô minh mà nhìn thì thấy có sáu căn riêng rẽ. Ở trong Tánh Không mà thấy thì sáu căn đồng là Tánh Không nên không có sáu căn. Đứng ngoài nhìn thì thấy có nước có sóng. Đứng trong biển cả thì chỉ có nước không có sóng.

Căn là Không, trần là Không. Biết là Không thì thức không còn chỗ trụ. Thức vô trụ thì đó là Tâm Không vốn vô niệm. Căn trần thức đều rỗng rang, vô tướng thì toàn mười tám giới đều rỗng rang, vô tướng, đều là hiện trường của Tánh Không. Trong hiện trường của Tánh Không, không có mười tám giới.

Cho đến không có vô minh cũng không có hết vô minh. Mười hai nhân duyên bắt đầu từ vô minh mà khởi. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tự Tâm chấp lấy Tự Tâm, Phi huyền biến thành pháp huyền.” Đó là vô minh. Vô minh là

không biết đệ nhất nghĩa đế là Không, nên ở trong Tánh Không như như bất động đó, lại chấp thủ Tướng Không, thành ra có các tướng ngã tướng pháp. Đã có ngã có pháp thành ra có căn thân và thế giới. Từ đó vòng nhân duyên vô minh liên tục. Ở trong Tánh Không thì không có ngã, không có pháp nên không có vô minh. Trong Tánh Không lập nên một tướng Không thì tướng Không đó cũng bất khả đắc. Cái chấp vào tướng Không đó tức là vô minh, cũng bất khả đắc. Vô minh không có, bởi đâu tiêu diệt vô minh?

Có Tứ Đế vì có sanh tử. Trong Tánh Không, ngã pháp đều Không, sanh tử nương vào đâu mà an lập? Không có sanh tử thì chẳng có sự diệt sanh tử, chẳng có con đường dẫn tới Niết-bàn. Niết-bàn là vọng tưởng của sanh tử, như là nói: “Sẽ có trái chín của hoa đốm giữa hư không.” Tánh Không vốn là Niết-bàn, còn nương chỗ nào để lập nên Niết-bàn nào khác. Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài Phú-lâu-na hỏi Phật: “Tại sao trong tánh Chân Như Không Tịch bỗng dung lại sanh ra núi sông trời đất?” Thật ra trong Tánh Không, hư không còn chẳng sanh ra hướng chi là các thế giới ở trong hư không đó. Chẳng qua chỉ là vọng tưởng chấp chùng của thức.

Toàn Bát-nhã là Tánh Không, trong Tánh Không, tìm Bát-nhã chỗ nào? Tánh Không tự vốn là Không tròn vẹn sáng suốt, bình đẳng một vị, trong đó lập nên tướng chứng đắc Không ở chỗ nào? Niết-bàn không tịch vốn toàn vẹn là Niết-bàn, bình đẳng một vị, châu biến pháp giới không chỗ nào là không có, trong đó hớ sót khoảng nào để dựng lập tướng Niết-bàn? Trong biển cả, lấy nơi nào để dựng riêng tướng một hạt nước.

Trong hư không, lấy đâu gậy điểm một điểm giữa hư không, cho đó là chỗ trụ của hư không. Lập ra một điểm tựa, một chỗ trụ của hư không như thế là vọng lập. Điều đó không thể có. Đó là điên đảo. Trong Quê Hương bình tịnh một màu, vọng lập ra một trú xứ rồi gọi đó là quê nhà, quê nhà lập thành đó cũng là giả tướng, chỗ nào mà chẳng phải Quê Hương.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật nói với chàng Diễn-nhã: “Cái đầu ông xưa nay vẫn thế, không phải vì soi gương mà được, không phải vì cất gương đi mà mất. Cho nên mất đi hay tìm được đều là điên đảo, vì xưa giờ nó vẫn là ông.” Kinh Viên Giác nói: “Mới hay chúng sanh đã vốn thành Phật xưa nay.”

2. Sở dĩ có tất cả pháp vì có tất cả các danh. Có tất cả tướng vì có tất cả các thức phân biệt. Không có thức phân biệt, tức là không có vọng tưởng, thì toàn thể pháp giới chỉ là Chân Không như như bất động.

Trong Tánh Không rỗng lặng sáng soi chỉ có Tánh Không bình đẳng một vị, không có tướng ta, tướng người, tướng cảnh giới, tướng chứng đắc. Đó là Nhất Tâm của chư Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Toàn cả tam giới chỉ là Nhất Tâm.”

Một cách phân biệt hơn, đứng trong ba pháp Quán: Không, Giả, Trung, nghĩa là ba phương diện của thực tại thì:

Không: Trong Tánh Không, ngã và pháp đều Không, tất cả ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ mệnh tướng đều rớt rỗng rang và vắng lặng. Trong Tánh Không quách nhiên, tịch diệt sáng soi, không có năm uẩn, không có thân tâm tướng, cũng không có cảnh giới tướng, cũng không có thể giới được kết hợp bởi thân tâm và trần cảnh (nhân giới ... ý thức giới), không có sanh tử, không có pháp xuất thế gian là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, cũng rớt rỗng không có pháp xuất thế gian thượng thượng là Sáu Ba-la-mật của Bồ-tát Đạo, không có trí huệ cũng không có chứng đắc.

Tóm lại tất cả pháp đều vô sở hữu và bất khả đắc. Vô minh không có, tận diệt vô minh chỗ nào? Sanh tử không có, bao giờ chấm dứt sanh tử? Nói diệt vô minh, chấm dứt sanh tử chẳng khác nào ngồi đợi hoa đóm giữa hư không kết thành trái rụng xuống để nhặt. Pháp thế gian đã không có được, pháp xuất thế gian cũng không thành. Ví như có người muốn vất đi khỏi thân mình một bộ áo lông rùa sừng thỏ.

Đây là điều được Thiền sư Đạo Hạnh đời Lý viết trong bài kệ (bản dịch tương truyền của Huyền Trang, Tổ thứ ba phái Trúc Lâm):

“Tác hữu trần sa hữu
Vi không nhất thiết không
Hữu không như thủy nguyệt
Vật trước hữu không không.”

(Có thì có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa trông bóng nguyệt dòng sông
Ai hay không có có không thế nào)

Giả: Đã là Không, làm sao có sắc? Nên biết sắc đó cũng không thật có trong Tánh Không. Sắc không phải thật có mà cũng không phải không tron. Như

thể, sắc là huyễn sắc: Sắc tức là Không nên sắc là Chân Không. Không tức là sắc nên sắc là huyễn sắc.

Tất cả pháp đều vô sở hữu, nên như huyễn như mộng, như bóng trong gương, như trăng dưới nước, như ngọn nắng, như biến hóa, không thể lấy cũng không thể bỏ.

Trung: Tất cả mọi pháp đều Không tướng, đều là thực tướng của Chân Không. Nên khi sắc không phải sắc thì sắc là Chân Sắc.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy Như Lai Tạng chẳng phải là gì tất cả, “phi” tất cả. Tiếp liền, ngài chỉ Như Lai Tạng “tức” là tất cả. “Phi” tất cả tức là “Tức” tất cả. Phi tất cả đồng thời Tức tất cả. Phi tất cả là Chân Không. Tức tất cả là Diệu Hữu.

Cho nên trong Tánh Không Chân Không mà Diệu Hữu đó, tướng nào cũng là thực tướng, tướng nào cũng là Như Lai Tạng. Trong Nhất Tâm không gì không phải là Tâm. Trong Phật không gì không phải là Phật.

Kinh Viên Giác nói: “Tánh Viên Giác thanh tịnh sáng suốt đã hiện ra, nên tâm thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh nên sáu thức thanh tịnh, do sáu thức thanh tịnh nên sáu căn thanh tịnh, do sáu căn thanh tịnh nên sáu trần thanh tịnh, do sáu trần thanh tịnh nên bốn đại, mười hai xứ, mười tám giới và hai mươi lăm loài đều thanh tịnh”

“Vì các pháp thế gian thanh tịnh cho nên tất cả các pháp xuất thế gian thanh tịnh. Vì các pháp thế gian và xuất thế gian đều thanh tịnh nên một người thanh tịnh, do một người thanh tịnh nên nhiều người thanh tịnh, cho đến mười phương chúng sanh đều thanh tịnh”

“Vì một thế giới đã thanh tịnh nên nhiều thế giới thanh tịnh. Nhiều thế giới đã thanh tịnh nên cùng tận mười phương hư không trùm khắp ba đời, tất cả đều thanh tịnh, bình đẳng không động. Vì tất cả đều là Viên Giác vậy.”

Một Thiền sư nói: “Ba mươi năm trước, khi chưa tu, thì núi là núi, sông là sông. Khi đang tu, núi không là núi, sông không là sông. Giờ thì thấy núi vẫn là núi, sông vẫn là sông.”

Quả thật, khi từ bỏ tất cả thì ngay đó lại được tất cả vậy. Từ bỏ cho đến cả không chứng đắc. Không đắc vì xưa vẫn thế nay vẫn thế, mai sau vẫn thế.

Đức Phật ra đời hay không vẫn thế, có hành giả hay không hành giả vẫn thế. Xưa nay rất ráo một tâm đồng. Không đặc thì xưa nay vẫn thế.

3. Có người hỏi Thiền sư Thạch Đầu: “Thế nào là giải thoát?”

Đáp: “Ai trói buộc người?”

Hỏi: “Thế nào là Tịnh Độ?”

Đáp: “Cái gì làm dơ người?”

Hỏi: “Thế nào là Niết-bàn?”

Đáp: “Ai đem sanh tử lại cho người?”

Thạch Đầu nói chuyện với Dược Sơn: “Ta trong ấy mũi kim mảnh bụi không lọt vào.”

Dược Sơn: “Con trong ấy như trồng hoa trên đá”

Có người hỏi Tổ Triệu Châu: “Con chó có Phật tánh không?”

Tổ đáp: “Vô.”

Sau này Vô trở thành công án. Trong Vô Môn Quan, tác giả kể lại, sau sáu năm kiên trì tham chữ Vô, một hôm, thoát nhiên phá thấu được chữ Vô này, đại ngộ. Thiền sư làm ngay bài tụng:

“Vô Vô Vô Vô Vô

Vô Vô Vô Vô Vô

Vô Vô Vô Vô Vô

Vô Vô Vô Vô Vô”

Mã Tổ nói: “Chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.”

Ngài Huệ Năng: “Xưa nay không một vật. Chỗ nào lấm bụi trần?”
(Bỏn lai vô nhất vật. Hà xứ nhạ trần ai)

Huệ Khả, sau khi chặt tay để cầu pháp, hỏi Tổ Đạt-ma: “Xin Thầy an tâm cho con.”

- “Đưa tâm người đây ta an cho.”

Huệ Khả ngẫm nghĩ hồi lâu, bạch: “Đệ tử tìm tâm hết rồi, rất ráo chẳng thể ược.”

- “Như thế là ta đã an tâm cho người rồi đó.”

Huệ Trung thượng sĩ đời Trần nói:

“Người gõ vào biển thổi khúc vô sanh

Gái đá lên mây thổi kèn tất lật”

Phó Đại sĩ nói:
“Tay không cầm cán mai
Đi bộ lưng trâu ngồi
Ra đi, về quê cũ
Cầu trôi, nước chẳng trôi”

Đệ tử hỏi Huệ Trung thượng sĩ: “Pháp thân là gì?”
Ngài nói: “Bờ ao xem hai đũa. Dưới nguyệt vui ba người.”

Một đệ tử hỏi Thiền sư: “Trúc biếc thầy là Pháp thân, hoa vàng đều là Bát-nhã là thế nào?”
Thiền sư cầm cọng lông thổi.

Hoà thượng Tử Dung thầy của Thiền sư Liễu Quán nói với ngài:
“Long lanh nước chảy trên đèo
Ngựa đua dưới biển, thuyền chèo trên non.”

Thiền sư Liễu Quán đáp:
“Trâu đất gãy sừng trâu đêm rống
Đàn cầm dây đứt suốt ngày đàn”

Triệu Châu trên đường hành cước, tham kiến Đại Từ Hoài Trung, hỏi: “Thê của Bát-nhã là gì?”
Đại Từ lập lại: “Thê của Bát-nhã là gì?”
Tức thì Triệu Châu cười lớn bỏ đi.
Thời gian sau, Đại Từ thấy Triệu Châu đang quét sân liền hỏi: “Thê của Bát-nhã là gì?”
Triệu Châu liệng chổi, cười lớn bỏ đi, Đại Từ trở về phương trượng.
Thê của Bát-nhã là gì mà khi có ai hỏi, Thiền sư liền cười dài

Bài kệ ngộ đạo của Lục Tổ Huệ Năng nói:
“Nào ngờ Tự Tánh vốn tự thanh tịnh!
Nào ngờ Tự Tánh vốn bất sanh bất diệt!
Nào ngờ Tự Tánh vốn tự đầy đủ!
Nào ngờ Tự Tánh vốn không lay động!
Nào ngờ Tự Tánh sanh ra muôn pháp!”

Ngài Huệ Năng thấy cái gì mà cứ “Nào ngờ, nào ngờ” năm lần bảy lượt vậy?

Lục Tổ thì như vậy, còn Tự Tánh của chúng ta, Tự Tánh ở đâu? – Ở trên lỗ mũi chớ đâu.

4. Muốn tương ứng với Tánh Không, tâm phải vô niệm. Tâm vô niệm thì Tánh Không hiện tiền. Tánh Không hiện tiền, tất cả căn trần thức giới, sanh tử, Niết-bàn đều tiêu vong. Tâm càng vô niệm thì Tánh Không càng sáng tỏ. Tánh càng phát sáng thì trần cảnh và thân tâm càng tiêu vong. Đó là điều Lục Tổ nói: “Niệm niệm tự thấy bản tánh, tự tu tự hành, tự thành Phật đạo.”

Kinh Hoa Nghiêm nói về tu Bát-nhã:

“Quán mười hai nhân duyên từ vô minh cho đến lão tử, tất cả là khổ. Như thế chỉ có cây khổ tăng trưởng trọn không có ngã, không có ngã sở, không tác giả, không thọ giả. Nếu có tác giả thời có tác sự, không có tác giả thì không có tác sự. Trong đệ nhất nghĩa để hoàn toàn bất khả đắc.”

“Bồ-tát dùng mười tướng như vậy biết các duyên khởi là vô ngã, vô nhân, vô thọ mạng, tự tánh không, không có tác giả, không có thọ giả, liền được môn Không giải thoát hiện tiền. Quán các hữu chi đều là tự tánh tịch diệt, rốt ráo giải thoát, không có chút pháp tướng sanh, liền được môn Vô Tướng giải thoát hiện tiền. Nhập Không, Vô Tướng rồi, không khởi tâm mong cầu, chỉ lấy Đại Bi làm đầu giáo hóa chúng sanh, liền được môn Vô Nguyện giải thoát hiện tiền.”

“Bồ-tát tu ba môn giải thoát như vậy, lia ý tưởng ngã, lia tưởng tác giả, tưởng thọ giả, lia tưởng hữu vô. Bồ-tát như vậy quán sát các pháp hữu vi có nhiều lỗi ác, không có tự tánh, không sanh không diệt, mà hằng khởi Đại Bi chẳng bỏ chúng sanh, liền được Bát-nhã Ba-la-mật hiện tiền, gọi là Vô Chướng Ngại Trí Quang Minh.”

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói:

“Cúng dường một ngàn người thường không bằng cúng dường một vị Tu-đà-hoàn.

Cúng dường ngàn vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường một vị Tu-đà-hàm.

Cúng dường ngàn vị Tu-đà-hàm không bằng cúng dường một vị A-na-hàm. Nhấn đến cúng dường ngàn vị A-na-hàm không bằng cúng dường một vị A-la-hán.

Cúng dường ngàn vị A-la-hán không bằng cúng dường một vị Bích Chi Phật.

Cúng dường ngàn vị Bích Chi Phật không bằng cúng dường một vị Vô Trụ, Vô Niệm, Vô Tu, Vô Chứng.”

Trung điểm pháp tu của ngài Lâm Tế và ngài Đức Sơn là Vô Sự. Nếu biết vô sự mà tu thì như Bàng cư sĩ nói: ‘Xách nước, bửa củi cũng là thần thông diệu dụng.’ Thiền sư Quy Sơn nói: “Trong tất cả mọi thời, nói nín chỉ là việc bình thường, không phân biệt, không cần nhắm mắt bịt tai, tâm không nhiễm là được. Như thế là người vô sự.”

Quốc sư Thanh Lương nói: “Rộng rãi thênh thang, mặc dầu cho nó đi, mặc dầu cho nó đến, lặng tỏ soi thấu nguồn mạch. Hoặc nói hoặc nín cũng chẳng mất nhiệm màu, động tịnh không lìa pháp giới. Nói về Chỉ, cả hai tâm cảnh đều dứt, tỏ biết mà vắng lặng. Nói về Quán, cả thấy đồng chiếu rạng, vắng lặng mà tỏ biết. Nói chứng thì không thể chỉ bằng ngôn ngữ cho người, người không chứng không thể biết.”

---o0o---

Do vô sở đắc, Bồ-tát y vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tâm vô quái ngại, do vô quái ngại không mọi điên đảo, rời xa mọi điên đảo mộng tưởng, rốt ráo Niết-bàn

1-2. Vô trí diệt vô đắc là điểm rốt ráo của Đại thừa. Trong Tánh Không, rốt ráo không có một tướng gì có thể đắc, không có tướng thân tâm, toàn thể các pháp rốt ráo đều không tịch, ngay cả Không cũng là Không, lấy gì có trí có đắc? Huyền Giác Thiền sư nói: “Giác rồi, Không Không, không có đại thiên.”(Giác hậu, không không, vô đại thiên.) Vô sở đắc là Niết-bàn vốn có vậy.

Khô Tập Diệt Đạo là sự thành tựu của bậc A-la-hán. Vô Khô Tập Diệt Đạo là sự thành tựu của bậc Bồ-tát Đại thừa. Vô trí cũng vô đắc là Đại Bồ-tát. Bậc A-la-hán thì có chứng có đắc Niết-bàn. Bồ-tát thì không chứng Không thật tế, còn gọi là Học Không Bất Chứng như tựa đề một phẩm của kinh Đại Bát-nhã (nghĩa là không đắc Niết-bàn nửa đường như A-la-hán), nên là Bồ-tát. Không có trí, không có đắc, hành Vô Sở Đắc, đó là Đại thừa, con đường Bồ-tát.

Cho nên Bát-nhã là Vô Sở Đắc. Y theo Bát-nhã mà tu là y theo Vô Sở Đắc. Kinh Kim Cang nói: “Phật hỏi ông Tu-bồ-đề: ý ông thế nào? Thừa xưa hỏi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ở trong pháp, Như Lai có chỗ được (đắc) chăng?”

“Tu-bồ-đề trả lời: Thừa không, Thế Tôn. Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ở trong pháp, Như Lai thật không có chỗ đắc.”

“Phật nói: Nay Tu-bồ-đề, vì thế các Bồ-tát phải sanh tâm thanh tịnh như thế này: không trụ sắc mà sanh tâm, không trụ thanh hương vị xúc pháp mà sanh tâm, hãy không trụ vào đâu cả mà sanh tâm.”

Không chỗ trụ, không trụ vào pháp thế gian, năm uẩn, cho đến các pháp xuất thế gian, tứ đế, không trụ vào pháp xuất thế gian thượng thượng là sáu Ba-la-mật. Không chỗ trụ vì tất cả đều bất khả đắc. Không chỗ trụ và vô sở đắc vì bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng đều rốt ráo không còn tơ hào mảnh bụi.

Kinh Phật Mẫu nói: “Khi nói sắc tức là Không, đó là thủ trước. Khi nói thọ tướng hành thức là Không, đó là thủ trước. Khi tự thấy mình là một Bồ-tát vừa mới phát tâm cầu giác ngộ, đó là thủ trước. Khi tự thấy mình là một Bồ-tát đã phát tâm cầu giác ngộ và làm nhiều công đức trên đường đến quả Phật, đó là thủ trước.”

Cho nên y vào Bát-nhã là y vào vô sở đắc, y vào nhất thiết pháp Không, đồng thời không chứng Không thật tế. Kinh Bát-nhã Thiên tụng: “Nếu Bồ-tát muốn thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, hãy quán tất cả pháp là Không, phải đem tâm an tịnh soi thấu tự tánh của chúng. Tuy quán pháp tánh Không như vậy, nhưng không nên ở đó mà chứng Không thật tế.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Dầu khéo tu Không, Vô tướng, Vô nguyện tam muội mà Từ Bi chẳng bỏ chúng sanh. Dầu được pháp bình đẳng của chư Phật mà thích cúng dường Phật. Dầu nhập môn quán Không trí mà siêng chứa phước đức. Dầu hành nơi Thật tế mà chẳng tác chứng.”

Trên đường đến Giác Ngộ vô thượng, Bồ-tát làm tất cả mà không làm gì cả, hành tất cả Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ Ba-la-mật đồng thời xa lìa mọi tướng ta, tướng người, tướng các pháp, tướng chúng đắc. Làm tất cả phước đức, trồng trọt phước điền nhưng không trụ vào pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Như thế phước đức đó là công đức vô lậu. Công đức vô lậu là Trí Huệ, vượt tất cả mọi phước đức đối chác vật chất.

Vô sở đắc nên không chỗ trụ. Tâm không chỗ trụ tức là Tâm toàn mãn, đồng

một Phật Tâm. Không chỗ trụ thì không chướng ngại bởi bất kỳ pháp tướng nào. Tâm không chướng ngại là Tâm Không, chính là Tánh Không của tất cả mọi pháp, của phàm thánh, trời người. Tâm không chỗ trụ nên chẳng có sợ hãi, giải thoát khỏi tất cả. Có trụ thì có sợ hãi, không trụ thì không sợ hãi. Trụ vào thân thì sợ mất thân, trụ vào tâm thì sợ tâm không tồn tại, trụ vào pháp thì sợ pháp đổi thay sanh diệt, trụ vào sanh tử thì mong cầu Niết-bàn, trụ vào Niết-bàn thì sợ hãi sanh tử. Tâm không chỗ trụ là tâm vô quái ngại. Tâm vô quái ngại là Niết-bàn. Tâm vô quái ngại thì không còn có gì để sợ hãi. “Vô quái ngại cố” lập lại một lần nữa, để nhấn mạnh hoàn toàn thoát khỏi tất cả và hoàn toàn không sợ hãi trước tất cả, vì đó là Không rốt ráo. Vô quái ngại cố chính là Tánh Không, là tiếng rống của sư tử giải thoát khỏi tất cả và không sợ hãi trước tất cả.

Chỉ có Bát-nhã mới giải quyết được vấn đề Bồ-tát. Ở lại với thế gian, sự việc đó của Bồ-tát chỉ có Bát-nhã mới làm được. Nhưng ở lại chỗ nhiễm ô mà không nhiễm ô, điều đó cũng chỉ có Bát-nhã mới làm được. Hóa độ cho chúng sanh mà thấy có chúng sanh được độ, đó là ô nhiễm, đó là tâm bị giới hạn. Hóa độ cho vô số chúng sanh, làm tất cả công hạnh mà chẳng thấy có chúng sanh nào được độ, chẳng thấy có ai tu Bồ-tát hạnh, đó là Bát-nhã. Cho nên hạnh Bồ-tát là hạnh Bát-nhã. Bát-nhã làm cho một người vẫn sống như một người thế tục lẫn lộn với thế gian mà lại là người xuất thế, thâm đạt Tánh Không qua những việc làm bình thường (sáu Ba-la-mật) mà không phải là vị A-la-hán từ bỏ thế gian để nhập Không thật tế. Bát-nhã làm cho một người thành Bồ-tát, nghĩa là một người đi giữa, đồng thời vượt ra thế gian và xuất thế gian, chứng Không trong sắc (khác với A-la-hán là chứng Không trong Không) và chứng sắc (dùng sắc như một phương tiện thiện xảo của Đại Bi) trong Không (khác với phàm phu là chứng sắc trong sắc)

Như trên đã nói, trong Tánh Không, không có gì tất cả, không có vô minh nên không có hết vô minh, không có sanh tử nên không có hết sanh tử, không có con đường tu chứng để cần cầu, không có quả vị để chứng đắc, tất cả một màu thanh tịnh từ cổ chí kim. Tất cả những sanh tử, Niết-bàn, con đường thánh sáu Ba-la-mật, khổ hạnh tinh tấn đều là mộng tưởng điên đảo. Mộng thấy có ta, có cảnh giới của ta, có khổ đau, có tìm cầu giải thoát, có sanh tử bên này, có Niết-bàn bên kia. Tất cả là mộng tưởng điên đảo. Mộng tưởng trong năm ấm thì có sanh tử Niết-bàn. Tỉnh giác trong Chân Không thì mọi đường dứt tuyệt. Kinh Viên Giác nói: “Mới hay sanh tử Niết-bàn đều là giấc mộng hôm qua, vì chúng sanh vốn đã thành Phật tự bao giờ.”

Tỉnh giác trong Chân Không thì thấy xưa nay là Niết-bàn bình đẳng, còn có

Niết-bàn sanh tử mộng tưởng nào khác nữa đâu. Tánh Không từ vô thủy đến vô chung, vốn chân thường, an lạc, thật thể, thanh tịnh, nhất vị bình đẳng như thế, có đâu năm âm để khổ đau, có đâu Niết-bàn để mộng tưởng. Nên Tánh Không rỗng rang thấu suốt là cứu cánh Niết-bàn. Tánh Không là Niết-bàn không phải mới đạt được, vì Tánh Không đã là Niết-bàn từ hôm qua, trong hôm nay và Niết-bàn mãi mãi.

3. Một hôm Nam Tuyên ra giữa chúng, xách lên một con mèo. Tổ bảo: “Ai nói được một câu thì cứu được con mèo, nếu không con mèo sẽ bị chém.” Cả chúng không ai đáp được. Con mèo bị chém. Đến chiều, Triệu Châu đi về, nghe chuyện, để một chiếc dép lên đầu rồi đi ra. Nam Tuyên bảo: “Lúc sáng, có ông ta thì con mèo đã không bị chém rồi.”

Thiền sư Triệu Châu dặn đệ tử đi hành cước: “Nơi nào có Phật hãy đi qua, nơi nào không có Phật thì dừng dừng lại.”

Tổ Quy Sơn, một ngày muốn chọn người trụ một ngọn núi. Tổ để một tịnh bình và hỏi chúng: “Không nói là tịnh bình thì gọi là cái gì?” Thủ tòa bước ra đáp: “Không gọi tịnh bình thì gọi là gốc cây.” Ngưỡng Sơn bước ra, đá đổ tịnh bình. Sau đó Ngưỡng Sơn được chọn trụ ở núi đó.

Về sau một Thiền sư khác phê bình Ngưỡng Sơn: “Động dụng tay chân để làm gì?”

Có người hỏi Tổ Vân Môn: “Thế nào là đại ý Phật pháp?”
Thiền sư trả lời: “Một tác lông rùa nặng tám cân”

Kinh Duy-ma-cật trong bài kệ tán Phật: “Đánh lễ Như không vô sở y.” Như thế thì ai đánh lễ, đánh lễ phương nào?

Bài tụng của Thiền sư Viên Ngộ:

“Thỏ ngựa có sừng.
Trâu dê không sừng
Tuyết bụi tuyết mảy
Như núi như non,”

Ngưỡng Sơn nằm mộng thấy vào viện của Đức Di Lạc. Các tòa đều có người ngồi, chỉ có tòa thứ hai còn trống. Thiền sư liền đến đó ngồi.

Vị sư ra khai kiếng bảo: “Hôm nay tòa thứ hai nói pháp.”

Thiền sư đứng dậy bạch chùy, rằng: “Pháp đại thừa, ly tứ cú, tuyệt bách phi,

lắng nghe! lắng nghe!”

Sau đó chúng giải tán. Thiền sư thức dậy kể lại với Quy Sơn.

Tổ Quy Sơn bảo: “Con đã vào thánh vị’

Thiền sư lễ tạ.

Nói về Bồ-tát, chúng ta xem hai bài tán dương Thượng sĩ Huệ Trung, có thể gọi là Duy-ma-cật của Việt Nam.

Trần Nhân Tông, Tổ thứ nhất phái Trúc Lâm, đệ tử trực tiếp của Thượng sĩ, làm bài tán rằng:

“Vuông được tròn được

Dày được mỏng được

Biển pháp một mắt

Rừng thiền ba góc”

Pháp Loa, Tổ thứ hai phái Trúc Lâm, có bài tán:

“Á!

Gan ròng nhồi lại

Sắt sống đúc thành

Thước trời thước đất

Gió mát trăng thanh”

4. Không sợ hãi là đức tánh quan trọng của Bồ-tát. Bất Không Thành Tựu Như Lai với Vô Úy Ân biểu thị đức tánh này. Không ai có thể nghi ngờ gì, công đức của Bồ-tát thì vượt hơn công đức của A-la-hán. A-la-hán thì học Không và chứng Không. A-la-hán như người đi trên đường thấy hồ nước đã vội trảm mình tan biến trong đó. Tuy cùng là tánh nước nhưng hồ lặng của vị A-la-hán làm sao so với biển lớn đầy đủ tất cả công đức của Bồ-tát. Muốn có đầy đủ công đức, Bồ-tát phải tìm trong thế giới sanh tử, tìm trong sự hóa độ chúng sanh, ở lại với chúng sanh cho đến hết thời gian mà không mệt mỏi. Để ở lại trong thời gian, trong sanh tử, Bồ-tát phải không sợ hãi vì thế gian, không mệt mỏi vì sanh tử và không chán ngán công việc hóa độ. Việc làm đó chỉ có Bát-nhã mới làm được. Bát-nhã là sức mạnh của Bồ-tát, không sợ hãi, mệt mỏi vì đã thấu suốt tánh của sanh tử là Không.

Vô Úy còn là diệu đức của ngài Quán Thế Âm, vị Đại Bồ-tát đã thuyết ra Tâm Kinh. Các kinh nói ngài Quán Thế Âm còn có danh hiệu là người Vô Úy Thí. Chúng ta thấy rõ ràng hơn tại sao người Vô Úy Thí chính là người giảng dạy Tánh Không cho Xá-lợi-phất và cho tất cả chúng ta. Vô Úy cũng là đức tánh nổi bật nhất trong cuộc đời ngài Huyền Trang, vị đã dịch kinh

này sang tiếng Trung Hoa. Vô Úy thể hiện rõ ràng trong cuộc hành hương gian khổ sang Ấn Độ cầu pháp của Bồ-tát Huyền Trang, sẵn sàng bỏ thân mạng vì chân lý và trên đường đi ngài đã dùng Tâm Kinh như một thần chú.

Trong bản chất, Tánh Không là Đại Bi, nên càng diệt trừ vô minh, nghĩa là cùng tiêu trừ chấp ngã và chấp pháp, càng thâm nhập Tánh Không, Tánh Không càng phát lộ thì Đại Bi càng hiển bày. Ngài Quán Thế Âm, vị thuyết giảng Tánh Không trong Tâm Kinh cũng là vị có lòng Đại Bi vô lượng. Trong những địa của kinh Hoa Nghiêm, càng tiến sâu vào các địa, Đại Bi càng lớn mạnh. Không một hành giả nào tu Bát-nhã lại chẳng thấy Đại Bi. Tánh Không không có Đại Bi thì Tánh Không đó chỉ là tướng ngoan không làm lạc. Có thể nói Đại Bi là toàn thể sinh mạng của Bồ-tát và nhờ có Đại Bi đó Tánh Không của Bồ-tát thâm sâu hơn rất nhiều so với Tánh Không của A-la-hán.

Vì Đại Bi, Bồ-tát tiếp tục sanh đi sanh lại ở thế gian và hoạt động trong đó bằng phương tiện thiện xảo (Upaya), phương cách để hóa độ chúng sanh. Phương tiện thiện xảo được phát sinh từ Đại Bi, nghĩa là từ Tánh Không. Không có phương tiện thiện xảo, Bồ-tát sẽ bất lực trước đời sống trần thế chẳng thể nào hoàn thành nổi bốn phận độ sanh. Với Bát-nhã, tất cả mọi pháp sanh tử đều Không, từ Tánh Không đó phát xuất ra tất cả phương tiện thiện xảo. Cái gì cũng là Không nên cái gì cũng là phương tiện thiện xảo. Chỉ có Không mới làm cho Bồ-tát không đắm trước, không chán ghét phương tiện của mình và như thế mới gọi là phương tiện thiện xảo. Tánh Không làm cho phương tiện thành phương tiện thiện xảo, làm cho ý chí giải thoát của cá nhân thành ý chí giải thoát chung là Đại Bi.

Ba đời chư Phật, do y vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

1. Các Đức Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều phải tu hành Bồ-tát đạo để thành Phật. Phật là tự giác, giác tha, giác hạnh tròn đủ. Phật là lưỡng túc tôn: đầy đủ Trí huệ và Công đức. Trí huệ thấu đạt Tánh Không và công đức trong việc cứu độ. Trí huệ do tu Bát-nhã mà thành tựu. Phước đức của Phật chẳng phải là phước đức ràng buộc trong tam giới mà là công đức vô lậu. Phước đức đó chỉ có trong việc hóa độ chúng sanh đồng thời lìa ngoài bốn tướng, như kinh Kim Cang nói, nghĩa là phước đức ấy chỉ thành công đức không thể đo đếm qua Bát-nhã Ba-la-mật.

Cho nên nhờ Bát-nhã mà thành tựu Trí Huệ Giác Ngộ, cũng nhờ Bát-nhã mà

có công đức vô lậu của một vị Phật, thành tựu Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh Viên Mãn. Bởi thế, Bát-nhã là Mẹ sinh ra các Đức Phật. Không có Bát-nhã Ba-la-mật thì chỉ có A-la-hán mà không có Bồ-tát. Không có Bồ-tát đạo thì cũng không có chư Phật.

Ba đời chư Phật đều y vào Bát-nhã Ba-la-mật, chúng ta phải lấy Bát-nhã làm mạng sống của mình. Trong Đại Bát-nhã, phẩm Thường Đề, kể lại sự tích Bồ-tát Thường Đề cầu kinh Bát-nhã như thế nào, hy sinh máu thịt để có Bát-nhã như thế nào. Đó là bài học cho chúng ta để tu hành Bát-nhã.

2. Để hiểu sự “Y vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa“, chúng ta học một đoạn kinh Duy-ma-cật:

“Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi ngài Duy-ma-cật: Bồ-tát muốn nương dựa vào lực công đức của Như Lai phải trụ chỗ nào?

Đáp: Phải trụ vào chỗ độ tất cả chúng sanh

Hỏi: Muốn giải thoát chúng sanh, phải làm gì?

Đáp: Phải trừ phiền não cho họ. ...(từ phiền não dẫn đến thân tướng) ...

Hỏi: Thân tướng lấy gì làm gốc?

Đáp: Tham dục làm gốc

Hỏi: Tham dục lấy gì làm gốc?

Đáp: Phân biệt hư vọng làm gốc.

Hỏi: Phân biệt hư vọng lấy gì làm gốc?

Đáp: Tưởng điên đảo làm gốc.

Hỏi: Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?

Đáp: Không trụ làm gốc

Hỏi: Không trụ lấy gì làm gốc?

Đáp: Không trụ thì không gốc.

Lại nói: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, từ gốc không trụ lập tất cả các pháp."

Y vào Bát-nhã Ba-la-mật như thế là không y vào đâu cả, không trụ vào đâu cả, vì tất cả rốt ráo vốn không trụ không gốc.

Y vào Bát-nhã Ba-la-mật là y vào Tự Tánh Không, niệm niệm chẳng lìa tự tánh Không này. Lục Tổ Huệ Năng nói:

“Giới Định Huệ của ta dùng cho người căn trí lớn. Ngộ tự tánh thì cũng chẳng lập ra Bồ-đề Niết-bàn và cũng chẳng lập ra giải thoát tri kiến. Không một pháp khá đặc mới hay kiến lập muôn pháp. Rõ được nghĩa này cũng gọi là Bồ-đề, Niết-bàn, cũng gọi là giải thoát tri kiến. Hễ người thấy tánh, lập cũng được, không lập cũng được, đến đi tự do, không ngăn không trệ, gặp

việc bèn làm, gặp hỏi bèn đáp, hiện khắp Hóa thân, chẳng lìa tự tánh tức là được tự tại thân thông, du hý tam muội, ấy gọi là thấy tánh.

Tự tánh mình vốn không quấy, không mê, không loạn. Niệm niệm trí Bát-nhã thường soi, hằng lìa tướng các pháp, tự do tự tại, dọc ngang đều được cả thì có cái gì để lập. Tánh mình tự ngộ, đốn ngộ đốn tu, cũng không theo từng thứ lớp vậy nên chẳng lập tất cả các pháp. Các pháp vốn vẫn tịch diệt, nào có thứ lớp gì!"

Y vào Bát-nhã Ba-la-mật là y vào tánh Giác, mà tánh Giác theo kinh Viên Giác chỉ dạy là:

“Thiện nam tử! Vì thấu đạt tánh Giác nên biết rằng Bồ-tát không bị pháp trói buộc, không cầu pháp giải thoát, chẳng chán sợ sanh tử, chẳng yêu mến Niết-bàn, chẳng kính người giữ giới, chẳng ghét người phá giới, chẳng trọng người học lâu, chẳng khinh người mới học. Tại sao thế? Vì tất cả đều là giác. Ví như con mắt sáng, soi rõ cảnh trước mắt, ánh sáng đó tròn đầy, không có yêu có ghét. Vì sao thế? Vì thể sáng không hai nên không có yêu ghét.

Thiện nam tử! Các Bồ-tát trong hội này và chúng sanh thời mạt pháp tu hành tâm này được thanh tịnh rồi, ở trong chỗ vô tu này cũng không có sự thành tựu. Viên giác chiếu khắp, tịch diệt không hai, trong đó trăm ngàn vạn ức bất khả thuyết hằng hà sa thế giới chư Phật như hoa đóm giữa hư không, lãng xả khởi diệt, chẳng tức chẳng lìa, không trói buộc, không giải thoát. Mới biết chúng sanh bỗng lai thành Phật, sanh tử Niết-bàn đều như giấc mộng đêm qua.

Thiện nam tử! Vì như giấc mộng đêm qua, nên biết rằng sanh tử và Niết-bàn không khởi, không diệt, không đi, không đến. Chỗ sở chứng kia không được, không mất, không lấy không bỏ, chỗ năng chứng kia không tạo tác, không ngừng dứt, không bỏ mặc, không diệt mất. Trong cái giác này không năng không sở, rốt ráo không chứng cũng không cả không chứng. Tánh tất cả pháp bình đẳng chẳng hoại.

Thiện nam tử! Các Bồ-tát tu hành như thế, lần lượt như thế, tư duy như thế, trụ trì như thế, phương tiện như thế, khai ngộ như thế, cầu pháp như thế, không chút mê muội."

3. Thiên sư Vạn Hạnh, sau khi làm bài kệ thị tịch, nói với các đệ tử rằng:

“Các con muốn ta đi đâu? Ta không lấy chỗ trụ để trụ, cũng không nương vào chỗ không trụ để trụ.”

Đệ tử Đa Bảo của Đại sư Khuông Việt một hôm hỏi ngài: “Thế nào là chung thủy của sự học đạo?”

Thiền sư đáp: “Thủy chung không vật, diệu hư không. Thấu rõ chân như, thể tự đồng.”

Đa Bảo hỏi tiếp: “Làm sao bảo nhậm (giữ gìn)?”

Thiền sư đáp: “Không có chỗ cho người ra tay.”

Đa Bảo nói: “Hòa thượng nói rõ vậy rồi!”

Thiền sư hỏi lại: “Người hiểu cái gì?”

Đa Bảo liền hét.

Có một vị tăng hỏi Lục Tô Huệ Năng: “Ý chỉ của Đại sư Hoàng Mai (Ngũ Tô), thiệt người nào được?”

Tô nói: “Người hội (hiểu) Phật pháp được.”

Tăng nói: “Thưa Hòa thượng, ngài được chăng?”

Tô nói: “Ta chẳng hội Phật pháp.”

Đời Đường thời Hội Xương, Phật giáo bị triều đình áp bức, có một Hòa thượng ẩn tu tên là Thiện Đạo. Hòa thượng thường lấy cây gậy chỉ chúng mà nói: “Chư Phật quá khứ cũng thế ấy, chư Phật vị lai cũng thế ấy, chư Phật hiện tại cũng thế ấy.”

4. Người thấy được Tánh Không và an trụ trong Tánh Không là thấy được “bản chất” Không của tâm thân mình và “bản chất” Không của tất cả thế giới và an trụ trong bản chất Không đồng nhất tất cả. Như thế người ấy là một với Tánh Không của tất cả. Nói thế nghĩa là người ấy là một với tất cả đồng thời xa lìa tất cả. Người ấy là một với tất cả thế giới hiện tượng, từ hiện tượng vi tế như tư tưởng, phiền não tham sân si – khởi lên nơi mình hay nơi tất cả những người khác – cho đến những hiện tượng thô hơn như cái nhà, con chim, cái cây, núi sông, đất đai, bầu trời, vũ trụ ... nhưng đồng thời người ấy chẳng dính dáng gì đến tất cả những cái ấy, hoàn toàn xa lìa. Như mình là tánh nước thì mình là tất cả những làn sóng có thể có trên mặt đại dương nhưng đồng thời mình hoàn toàn chẳng dính dáng gì với chúng cả. Sự hiện hữu hay biến mất, đặc tính thế này thế nọ của những làn sóng theo duyên sanh hoàn toàn chẳng ăn nhằm gì đến tánh nước của đại dương cả. Như khi đã là một mặt gương vô hạn, mọi hình bóng có được đều là mình, nhưng những hình bóng đó hoàn toàn không dính dáng gì đến mình với tư cách là mặt gương cả.

Đó là một phần nào của ý nghĩa Quán Tự Tại mà có thể dịch là Thấy cái Tự Tại, hay Tự Tại trong cái Thấy. Thấy Tánh Không, an trụ (hay sống) trong Tánh Không đến mức độ nhuần nhuyễn, không còn cái gì sót lại ở ngoài Tánh Không, đó là con đường của “Ba đời chư Phật, do y vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”

Thế nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ tất cả khổ, chân thật bất hư

Thần chú là pháp âm, là âm thanh diễn ra từ Pháp tánh hay Tánh Không. Cho nên thần chú có công năng diệt trừ mọi chướng ngại của hành giả và làm cho hành giả tương ứng với pháp tánh hay Tánh Không qua âm thanh của miệng. Thần chú là phương tiện thiện xảo bằng âm thanh để hộ trì tâm thức và đẩy tâm thức đến tận nguồn của nó, đến bản tánh của nó, tức là Tánh Không. Với Đại thừa, phương tiện cũng chính là trí huệ, bởi thế thần chú cũng tức là Bát-nhã. Thần chú là Bát-nhã thể hiện ra bằng phương tiện âm thanh.

Trong lúc ngài Huyền Trang đi Ấn Độ để cầu pháp thỉnh kinh, đoạn đường đi bộ đầy gian nan, sức người không thể vượt nổi. Nhưng mỗi khi sắp xỉu vì đói, gặp bão tuyết, bão cát trên sa mạc, thiếu nước, gặp thú dữ và ma quỷ, ngài được Đức Quán Thế Âm hiện thân ra làm một nhà sư bệnh hoạn đi theo cùng ngài, đọc và dạy cho ngài trì tụng trọn vẹn cả bài Tâm Kinh để vượt qua mọi chướng ngại.

Bát-nhã cũng như trọn bài Tâm Kinh là thần chú vì có công năng phá hoại những chướng ngại và đưa hành giả tương ứng với Tánh Không kim cương bất hoại. Âm thanh đi liền với tánh nghe, bao giờ cũng có một kết quả tâm linh, bởi vậy kinh thường được tụng, chú thì được trì. Trong 260 chữ của Tâm Kinh, chúng ta thấy có 19 chữ Vô, 9 chữ Bất và 7 chữ Không cộng thêm một thần chú. Không nghi ngờ gì những chữ Vô, Bất, Không được lập đi lập lại có công năng phá trừ mọi ngã chấp và pháp chấp, đưa hành giả tương ứng trọn vẹn với Tánh Không.

Trí Bát-nhã là thần chú lớn vì phá tan năm ấm đã nhốt hành giả trong thân tâm chật hẹp, khai mở cho hành giả nhập vào cái lớn Vô Biên, Tánh Không toàn khắp, vắng lặng không ngăn mé. Phá trừ năm ấm tức là phá trừ mọi ma quỷ, chướng ngại của ba cõi.

Bát-nhã là chủ đại minh nghĩa là Bát-nhã có công năng phá trừ sự che chướng của năm âm, giải phóng ánh sáng vô biên của tự tâm tràn khắp pháp giới. Ánh sáng đó tiêu trừ mọi tướng thân tâm và tướng cảnh giới hư vọng. Ánh sáng lớn đó là cái Chiếu của Tánh Không vậy.

Bát-nhã là thần chú cao hơn mọi chú khác, vì Bát-nhã trực tiếp tương ứng với Tánh Không, thực tại chân thường vô thượng.

Bát-nhã là thần chú không gì so sánh được, siêu việt tất cả mọi đẳng cấp vì Bát-nhã là Tánh Không siêu việt tất cả, bao trùm khắp và bình đẳng chiếu soi trong mọi đẳng cấp.

Bát-nhã phá trừ mọi khổ ách, vì Bát-nhã phá trừ tất cả mọi che chướng trong ba cõi. Bát-nhã là thần chú tối thượng, điều đó hoàn toàn chân thật không hư vọng. Như Đức Phật bảo trong mỗi người chúng ta có hạt châu vô giá trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, đó là điều không hư vọng. Bát-nhã chính là hạt châu vô giá đó.

Toàn Bát-nhã Tâm Kinh, câu nào cũng là thần chú. Ngài Huyền Trang đã hành trì cả bài trong khi trên đường hành hương gian khổ. Câu nào cũng thuyết lên chân thật nghĩa, không thi thiết phương tiện, nên câu nào cũng khai mở hạt châu vô giá ấy. Chỉ một câu “Sắc tức thị Không” đủ phá tan mọi che chướng của năm âm, phá tan địa ngục sanh tử, đạt thấu Tánh Không, thường, lạc, ngã, tịnh. Đâu có sắc tướng thì đó là địa ngục. Đâu phá được năm âm thì đó là Niết-bàn. Chỉ một câu “Thi chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm” mà tu hành theo đó và chứng đắc được nó thì đã đạt được Vô sanh pháp nhẫn tức là Đệ Bát Địa Bồ-tát rồi. Vì theo kinh Đại thừa không thấy có pháp nào sanh ra, không thấy pháp nập diệt mất là Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Cho nên sử dụng toàn bài Bát-nhã Tâm Kinh như là một thần chú tối thượng của Bồ-tát trên đường Bồ-tát đạo, đó là lợi ích tối thắng, điều này hoàn toàn chân thật, không hư vọng.

**Nên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú rằng:
Gaté gaté, paragaté, parasam-gaté, Bodhi svaha**

Trong kinh Lăng Nghiêm nói Đức Quán Thế Âm nhờ viên thông được tánh

nghe nên hiện ra vô số thân diệu dụng và thuyết được vô biên bí mật thần chú. Tâm Kinh do ngài Quán Thế Âm giảng và cũng do ngài thuyết lên thần chú Bát-nhã.

Thần chú được thuyết từ Bản Tâm của Đức Quán Thế Âm, Bản Tâm đó cũng là Bản Tâm Chân Không của tất cả chư Phật. Bởi thế thần chú này là cây cầu nối giữa tâm thức phàm phu nhiễm ô của chúng ta với Tạng Tâm Chân Không của chư Phật. Sử dụng nó như một sức mạnh vượt qua khu rừng rậm tăm tối của tâm thức chúng ta để đến bờ bên kia của ánh sáng thanh tịnh. Đó là thấu đạt Tánh Không.

Thần chú (mantra) là cái hộ trì cho tâm thức. Thần chú Bát-nhã làm cho tâm thức dứt ra được khỏi những níu kéo hư vọng của các hoa đóm giữa hư không (năm âm) để vượt qua được đến bờ bên kia. Khi đã đứng ở bờ bên kia mới biết là cũng chưa từng có bờ bên này. Qua được bờ bên kia, đó là công năng của thần chú đối với tâm thức con người.

Toàn thể Tâm Kinh là một thần chú. Thần chú đó làm biểu lộ bản tâm Tánh Không của mỗi chúng ta. Cho nên biết vận dụng bản tâm hằng hiện diện Trí Huệ soi chiếu Tánh Không nơi mỗi chúng ta trong từng niệm niệm tức là luôn luôn trì tụng thần chú. Thần chú tự tâm Tánh Không đó soi chiếu toàn bộ tướng và tướng – tức là cái tạo ra sanh tử - phá tan chúng để tất cả chỉ còn là Tánh Không – Chân Không Diệu Hữu.

Không có thần chú nào bằng chú Bát-nhã vì đó là ánh sáng của bản tâm Tánh Không soi phá toàn bộ vô minh sanh tử. Không có ấn nào bằng ấn Bát-nhã, vì đó là Đại Ấn ấn tất cả sanh tử vào trong Tánh Không. Sử dụng Trí Huệ Bát-nhã như vậy, đó là con đường hiện thực của đại thần chú, của đại minh chú, của vô thượng chú, của vô đẳng đẳng chú vậy.

KẾT THÚC

HẾT